

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



NGUYỄN NGỌC ANH

Lớp : LKT 12 – 01 khóa 12

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN NUÔI CON KHI CHA MẸ LY HÔN

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn: LS. THS. LÊ THỊ DIỆP

HÀ NỘI 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



NGUYỄN NGỌC ANH

Lớp : LKT 12 – 01 khóa 12

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN NUÔI CON KHI CHA MẸ LY HÔN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn : LS. THS. LÊ THỊ DIỆP

Nơi thực hiện đề tài : Trường Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện : 21/03 – 27/05/2022

HÀ NỘI 2022

LỜI CAM ĐOAN

“Em xin cam đoan đề tài: ***“Giải quyết tranh chấp quyền nuôi con khi cha mẹ ly hôn”*** là một công trình nghiên cứu độc lập dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn Luật sư. Thạc sĩ. Lê Thị Diệp. Đề tài, nội dung khóa luận là sản phẩm mà em đã nỗ lực nghiên cứu trong quá trình học tập tại trường cũng như tìm hiểu thực tiễn các vụ việc đã xảy ra. Các số liệu, kết quả trình bày trong khóa luận là hoàn toàn trung thực. Ngoài ra, trong khóa luận có sử dụng một số nguồn tài liệu tham khảo đã được trích dẫn nguồn và chú thích rõ ràng. Em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước bộ môn, khoa và nhà trường về sự cam đoan này. Em xin chịu hoàn toàn trách nhiệm, kỷ luật của bộ môn và nhà trường đề ra nếu như có vấn đề xảy ra.”

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tác giả đề tài

Nguyễn Ngọc Anh

LỜI CẢM ƠN

Thành công của bất cứ cá nhân nào đều cần phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp, thậm chí những lời động viên trong suốt thời gian vừa qua cũng đã tạo nên động lực để cá nhân đó có đủ mạnh mẽ để hoàn thành mục tiêu và dự định của mình. Em – Nguyễn Ngọc Anh – Sinh viên năm 4, Chuyên ngành Luật Kinh tế, Khoa Luật, Trường Đại học Đại Nam cũng không ngoại lệ, từ lúc bắt đầu học tập ở giảng đường đại học, cho đến những buổi học trực tuyến, khoảng thời gian đi thực tập và thời gian làm khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được nhiều sự quan tâm, sự giúp đỡ của quý thầy cô, gia đình, các anh chị khóa trên và bạn bè. Tất cả sự giúp đỡ, quan tâm, chỉ bảo của mọi người trong suốt thời gian qua, em cảm thấy vô cùng hạnh phúc và biết ơn, những lời nói đó đã tạo động lực để em quyết tâm, cố gắng hoàn thành mục tiêu mà bản thân đã đề ra trong suốt 4 năm học vừa qua.

*Để hoàn thành khóa luận **“Giải quyết tranh chấp quyền nuôi con khi cha mẹ ly hôn”** bên cạnh những nỗ lực của bản thân, em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến quý thầy cô giáo trong Khoa Luật, Trường Đại học Đại Nam. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Luật sư – Thạc sỹ - Giảng viên Lê Thị Diệp đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.*

Trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp, em cảm thấy rằng mình đã học tập và trải nghiệm được nhiều điều vô cùng hữu ích. Từ đó để em học hỏi và rút kinh nghiệm cho quá trình làm việc sau này của mình.

Khóa luận của em tất nhiên sẽ không thể tránh được những hạn chế, thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và góp ý từ quý thầy cô và các bạn học cùng lớp giúp khóa luận hoàn thiện hơn.

Em xin gửi lời cảm ơn đến các anh chị tại Văn phòng Luật sư An gia và các anh chị khóa trên của Khoa Luật – Trường Đại học Đại Nam đã nhiệt tình giúp đỡ cũng như cung cấp tài liệu cần thiết để em có thể hoàn thành khóa luận tốt nghiệp

của mình một cách tốt nhất. Cảm ơn những người thân, bạn bè đã động viên và hỗ trợ em hoàn thành khóa luận này.

Sau cùng, em xin kính chúc quý thầy cô Trường Đại Học Đại Nam, quý thầy cô Khoa Luật, Giảng viên Lê Thị Diệp luôn dồi dào sức khỏe và công tác tốt!

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU HOẶC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Tiếng việt
BLTTDS	Bộ luật tố tụng dân sự
CP	Chính phủ
GĐ	Giải đáp
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
HN&GĐ	Hôn nhân và gia đình
KHXX	Khoa học xét xử
LHNGĐ	Luật Hôn nhân gia đình
NĐ	Nghị định
NQ	Nghị quyết
TAND	Tòa án nhân dân
TSHNLS	Tập sự hành nghề luật sư
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Đóng góp của đề tài.....	7
7. Bố cục của đề tài	7
Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN NUÔI CON SAU KHI CHA MẸ LY HÔN.....	8
1.1 Cơ sở lý luận của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.	8
1.1.1 <i>Khái quát chung về quyền nuôi con của cha mẹ sau khi ly hôn</i>	8
1.1.2 <i>Khái quát chung về tranh chấp và giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.....</i>	12
1.2 Cơ sở pháp lý của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn	14
1.2.1 <i>Cơ sở pháp lý.....</i>	14
1.2.2 <i>Căn cứ giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn</i>	19
1.2.3 <i>Hệ quả pháp lý của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.</i>	26
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	27
Chương 2. THỰC TRẠNG VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN NUÔI CON SAU KHI CHA MẸ LY HÔN	29

2.1 Thực trạng giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn ..	29
2.1.1 Những thành tựu trong giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.	29
2.1.2 Những hạn chế trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.	29
2.2. Một số vướng mắc pháp lý khi giải quyết tranh chấp về quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn ..	30
2.2.1 Vấn đề giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.....	30
2.2.2 Vấn đề giải quyết mức cấp dưỡng cho con cái sau khi cha mẹ ly hôn	36
2.2.3 Vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con.	43
2.3. Nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc trong giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.....	45
2.3.1 Về căn cứ pháp lý và quy định của pháp luật	45
2.3.2 Về việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn khi giải quyết các vấn đề liên quan đến tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn	46
2.3.3 Về nhận thức và hiểu biết của người dân về pháp luật hiện hành.....	48
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	49
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN NUÔI CON SAU KHI CHA MẸ LY HÔN	50
3.1. Hoàn thiện các quy định về quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.....	50
3.1.1 Về phía Nhà nước, cần:	50
3.1.2 Về phía cha mẹ nói riêng và người dân nói chung	51
3.2 Hoàn thiện quy định về cấp dưỡng nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.....	53
3.3 Hoàn thiện các vấn đề liên quan đến thay đổi người trực tiếp nuôi con ...	56

3.4 Đưa ra các kế hoạch, chương trình tọa đàm giải quyết các vấn đề liên quan đến Hôn nhân và gia đình.....	58
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	59
KẾT LUẬN	61
TÀI LIỆU THAM KHẢO	63

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Gia đình là “tế bào của xã hội”, là một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên sự hoàn thiện, phát triển kinh tế, thúc đẩy xã hội ngày càng văn minh và hiện đại hơn. Đây là điều mà mỗi cá nhân đều không thể phủ nhận, dù trong hoàn cảnh nào, xã hội từ cộng sản nguyên thủy lên đến xã hội chủ nghĩa ở thời điểm hiện tại, quy luật này vẫn luôn luôn đúng. Nó nói lên mối quan hệ mật thiết giữa gia đình và xã hội, quan hệ đó giống như sự tương tác hữu cơ của quá trình trao đổi chất, duy trì sự sống của cơ thể. Xã hội (cơ thể) lành mạnh tạo điều kiện cho các gia đình tiến bộ, gia đình (tế bào) hạnh phúc góp phần cho sự phát triển hài hòa của xã hội.

Nền tảng để xây dựng lên gia đình đó chính là Hôn nhân. Hôn nhân là nền tảng để xây dựng một gia đình mới. Giá trị của hôn nhân thường dựa trên cơ sở tình yêu, tình cảm, sự tôn trọng lẫn nhau, sự ổn định về kinh tế. Xuất phát từ chỗ tình yêu được coi là cơ sở của hôn nhân cho nên việc quyết định lựa chọn người bạn đời và đi đến hôn nhân phải là việc của bản thân hai bên nam nữ. Mặt khác, khi tình yêu giữa hai bên nam nữ không còn nữa thì việc đảm bảo cho họ được tự do ly hôn lại thực sự cần thiết vì như vậy là giải phóng cho họ. Như vậy, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ cũng đồng thời phải đảm bảo tự do ly hôn. Nếu như không thể bắt buộc người ta kết hôn thì cũng không thể bắt buộc họ tiếp tục chung sống cuộc sống vợ chồng, khi hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được.

Trên thực tế, chúng ta đều thấy rằng: Hôn nhân là kết quả của tình yêu, là đích đến cuối cùng của một mối quan hệ nam nữ. Có không ít cặp đôi đã chứng minh được rằng họ bước vào cuộc sống hôn nhân viên mãn, mặn nồng hơn lúc mới yêu, khẳng định quyết định kết hôn về chung một nhà là hoàn toàn đúng đắn. Họ chung sống hạnh phúc, san sẻ, tin tưởng, yêu thương nhau nhiều hơn và luôn dành cho nhau sự quan tâm.

Tuy nhiên cuộc sống không phải lúc nào cũng ngập tràn màu hồng, có hôn nhân hạnh phúc ắt có hôn nhân không hạnh phúc. Nhiều cặp đôi chia sẻ họ đã vỡ mộng sau hôn nhân, gặp phải nhiều tình huống mà không thể cùng nhau giải quyết

được, từ đó phát sinh nhiều vấn đề không tìm được tiếng nói chung... vì vậy khi cả hai xảy ra mâu thuẫn, họ sẽ tìm đến cách: tin tưởng lẫn nhau, cùng tìm ra cách giải quyết vấn đề hay lựa chọn buông xuôi tất cả vì những lý do chủ quan hay khách quan – quyết định đều ở trong bàn tay của chúng ta.

Khi một cuộc hôn nhân đổ vỡ, đó là nỗi đau mất mát của hai vợ chồng, song, trong thực tế phụ nữ sẽ gặp khó khăn gấp bội, phải gồng mình để gánh vác trách nhiệm vừa làm cha, vừa làm mẹ, nuôi dạy con và luôn phải chịu áp lực về tài chính, bị thiệt thòi về tâm lý, tình cảm, hiệu suất công việc. Trong thực tế, dù pháp luật đã quy định và tòa án đã có nhiều phương thức để bảo đảm quyền của người phụ nữ khi ly hôn song không phải lúc nào điều đó cũng thành hiện thực.

Chẳng hạn, tự do yêu cầu ly hôn là quyền nhân thân của vợ chồng được pháp luật ghi nhận. Tuy nhiên, trong thực tế việc thực hiện quyền nhân thân này của người phụ nữ còn vấp phải nhiều trở ngại, khó khăn từ phía gia đình, xã hội và từ chính bản thân người phụ nữ bởi tư tưởng, nếp suy nghĩ coi thường người phụ nữ bỏ chồng hay bị chồng bỏ. Cũng có trường hợp, tòa án đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của người phụ nữ, bởi đánh giá chủ quan của Thẩm phán khi giải quyết yêu cầu ly hôn còn phiến diện dẫn đến hậu quả đau xót khi vợ chồng quay trở lại cuộc sống chung. Đồng thời, trong thực tế tòa án giải quyết ly hôn, không hiếm trường hợp người phụ nữ đã bị đe dọa, gây áp lực về tinh thần và vật chất từ phía người chồng dẫn đến phải từ bỏ quyền ly hôn, quyền nuôi con của mình. Sau khi ly hôn, việc ổn định cuộc sống là một vấn đề hết sức nan giải được đặt ra với người phụ nữ. Bởi vì, khả năng tự lập của họ bị ảnh hưởng rất nhiều bởi những điều kiện khách quan và chủ quan của gia đình và xã hội.

Ngoài ra, hậu quả của việc ly hôn không chỉ là chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa hai người mà nó còn kéo theo các hệ lụy khác. Việc ly hôn của cha mẹ chính là nỗi bất hạnh của những đứa con, những đứa trẻ trong các gia đình có bố mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc trực tiếp đến việc hình thành nhân cách và tương lai sau này, thường có những biểu hiện lệch lạc và sa ngã, phạm tội, bố mẹ ly hôn con trẻ thường tỏ ra giận dữ, có những việc làm nông nổi, hung hăng, dễ gặp tai

nạn về thể chất, khi lớn lên trẻ gặp khó khăn trong giao tiếp cộng đồng. Một khía cạnh khác, sau ly hôn cha hoặc mẹ tái hôn, cảnh sống chung với cha dượng hoặc mẹ kế, tình trạng “con anh, con em”, dẫn đến các bậc cha mẹ có thể thiếu trách nhiệm trong việc giáo dục con cái (bỏ mặc, ngược đãi) tác động sâu sắc không những lên sự nhận thức còn rất non nớt của các em mà con gây ra những bất hòa và tổn thương tâm lý khó hàn gắn được. Hôn nhân tan vỡ không chỉ làm ảnh hưởng đến gia đình, người thân mà còn ảnh hưởng đến xã hội. Bởi gia đình là tế bào của xã hội, khi tế bào không “khỏe” thì xã hội bị ảnh hưởng nhiều mặt. Sau những cuộc hôn nhân không thành là những đứa con vô tội phải sống trong cảnh thiếu tình thương và sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và các tệ nạn xã hội ngày một gia tăng.

Trong quá trình thực tập và làm khóa luận tại Văn phòng Luật An Gia, em có cơ hội nghe các thầy cô chia sẻ về một số vụ việc về ly hôn và hậu quả của nó để lại vô cùng nghiêm trọng, có thể thấy đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ những vụ đổ vỡ của hôn nhân lại chính là những đứa trẻ vô tội. Do đó, em quyết định chọn chủ đề ***“Giải quyết tranh chấp quyền nuôi con khi cha mẹ ly hôn”*** làm đề tài Khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, báo cáo gồm có ba chương như sau:

Chương 1. Khái quát chung về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

Chương 2. Thực trạng về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

Chương 3: Một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

2. Tình hình nghiên cứu

Trong những năm gần đây, có rất nhiều đề tài báo cáo thực tập, báo cáo Nghiên cứu khoa học, Luận văn, Luận án lựa chọn đề cập đến các vấn đề về ly hôn. Ly hôn sẽ dẫn đến nhiều vấn đề phát sinh trong đó phải kể đến là quan hệ

giữa cha mẹ và con cái; quyền lợi của con sau khi cha mẹ ly hôn; vấn đề phân chia tài sản chung và riêng sau ly hôn; tranh chấp phát sinh; nghĩa vụ và quyền của cha mẹ sau khi ly hôn.... Các vấn đề này tuy được đề cập rất cụ thể trong các văn bản pháp luật, tuy nhiên khi áp dụng vào thực tế còn gặp phải rất nhiều bất cập cả trên phương diện luật pháp lẫn tình cảm.

Các đề tài nghiên cứu của các tác giả đều bày tỏ quan điểm suy nghĩ về vấn đề này một cách khoa học, cụ thể hấp dẫn. Bản thân em sau khi đọc các công trình nghiên cứu này đặc biệt là vấn đề về con chung, em cảm thấy rất hứng thú và muốn nêu lên quan điểm và suy nghĩ của mình về lĩnh vực này.

Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

1, Th.S Lương An Dung - Thực tiễn giải quyết quyền nuôi con khi vợ chồng ly hôn

2, Th.S Nguyễn Thị Thúy – Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và thực tiễn tại tỉnh Hòa Bình.

3, Th.S Nông Thị Trang – Giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình 2014

4, Th.S Phan Thảo An – Giải quyết vấn đề con chung khi cha mẹ ly hôn và thực tiễn áp dụng.

Các công trình nghiên cứu này sẽ là danh mục tài liệu để em tham khảo phục vụ cho quá trình làm luận văn tốt nghiệp của em.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Khóa luận tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn, thực trạng giải quyết tranh chấp này trong thực tiễn.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Khóa luận chỉ tập trung vào nghiên cứu các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn: quyền nuôi con, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, nghĩa vụ cấp dưỡng và quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nêu ra được thực trạng giải quyết vấn đề này tại Việt Nam, những điều đã làm được và chưa làm được, chỉ ra những hạn chế, tồn đọng từ đó nêu ra nguyên nhân của vấn đề đó. Cuối cùng, khóa luận tập trung đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, sửa đổi hoặc bổ sung một số vấn đề liên quan nhằm áp dụng và thực thi hiệu quả, đồng bộ các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con trong thực tiễn. Khóa luận cũng không đề cập sâu đến những vụ án giải quyết tranh chấp quyền nuôi con có yếu tố nước ngoài.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1 Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài đưa ra các cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn; phân tích, đánh giá đúng thực trạng những quy định về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con, những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở đó, đề xuất hệ thống các giải pháp hoàn thiện những quy định của pháp luật.

4.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu nói trên, bài nghiên cứu đã xác định các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản như sau: nghiên cứu các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn: quyền nuôi con, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, nghĩa vụ cấp dưỡng và quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nêu ra được thực trạng giải quyết vấn đề này tại Việt Nam, những điều đã làm được và chưa làm được, chỉ ra những hạn chế, tồn đọng từ đó nêu ra nguyên nhân của vấn đề đó. Cuối cùng, khóa luận tập trung đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, sửa đổi hoặc bổ sung một số vấn đề liên quan nhằm áp dụng và thực thi hiệu quả, đồng bộ các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con trong thực tiễn.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được các mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu nói trên, khóa luận sử dụng một số phương pháp như sau: Phương pháp luận, phân tích, so sánh, tổng hợp, lịch sử. Lấy lý luận của chủ nghĩa Mác – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam làm phương pháp luận trong đề tài nghiên cứu. Trên từng phương diện nghiên cứu cụ thể, Luận án sử dụng các phương pháp sau đây:

Phương pháp lịch sử: Áp dụng phương pháp này khi nghiên cứu đề tài nhằm làm rõ sự phát triển có tính kế thừa của phương pháp luận trong việc điều chỉnh các quy định liên quan trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

Phương pháp phân tích: Các vấn đề mà đề tài đặt ra sẽ được phân tích về mặt lý luận để thấy rõ tính khoa học của việc giải quyết các tranh chấp về quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

Phương pháp phân tích tài liệu: Phương pháp này được áp dụng để phân tích các tài liệu bao gồm: các văn bản có tính pháp lý đã được ban hành và còn hiệu lực đến thời điểm hiện tại; các công trình khoa học đã công bố, các số liệu thống kê chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các bài báo, tạp chí, các kết luận, các nhận định, phân tích đã được các tác giả khác thực hiện và công bố ở các công trình khác có liên quan.

Phương pháp chuyên gia được sử dụng để thu thập thông tin và ý kiến của những chuyên gia, các nhà khoa học đã và đang nghiên cứu về các chuyên ngành chính trị học, luật học, xã hội học... về vấn đề giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn, từ đó đánh giá thực trạng của vấn đề này trong thực tiễn

Phương pháp thống kê được áp dụng để thống kê số liệu, phân tích và đánh giá thực trạng về vấn đề giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn ở Việt Nam

Phương pháp tổng hợp được sử dụng để tổng hợp các số liệu, tri thức có được từ việc phân tích và dẫn nguồn các tài liệu, hỏi ý kiến chuyên gia. Phương pháp

này được áp dụng để nhằm mục đích đưa ra những luận giải, nhận xét và đưa ra những đề xuất của tác giả luận án ở chương 3 về quan điểm, giải pháp hoàn thiện.

Phương pháp quy nạp và diễn dịch để khái quát hóa hoặc cụ thể hóa nội dung, đối tượng, vấn đề nghiên cứu nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan đối với việc xây dựng các vấn đề có tính lý luận và thực tiễn của luận án.

6. Đóng góp của đề tài

Đề tài có đóng góp trong việc đưa ra các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn, chỉ ra những điểm tích cực và điểm còn thiếu sót trong việc thực thi các quy định của pháp luật vào thực tiễn. Từ đó nêu lên quan điểm cá nhân của bản thân về vấn đề này, đưa ra một số ý kiến riêng để hoàn thiện và nâng cao tính hiệu quả khi thực tiễn các quy định của pháp luật trong thực tiễn.

7. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, báo cáo gồm có ba chương như sau:

Chương 1. Khái quát chung về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

Chương 2. Thực trạng về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

Chương 3: Một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN NUÔI CON SAU KHI CHA MẸ LY HÔN

1.1 Cơ sở lý luận của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

1.1.1 Khái quát chung về quyền nuôi con của cha mẹ sau khi ly hôn

1.1.1.1 Khái niệm quyền nuôi con

Quyền nuôi con là một thuật ngữ [pháp lý](#) liên quan đến quyền giám hộ được sử dụng để mô tả mối quan hệ pháp lý và thực tế giữa [cha mẹ](#) hoặc người giám hộ và đứa trẻ cần sự chăm sóc của người đó. Quyền nuôi con bao gồm quyền nuôi con hợp pháp, đó là quyền đưa ra quyết định về đứa trẻ, và quyền nuôi con, là quyền và nghĩa vụ đối với việc cho đứa trẻ một chỗ ở, và chăm sóc đứa trẻ.^[1] Cha mẹ kết hôn thường có quyền nuôi con hợp pháp và thể chất của con cái họ. Các quyết định về quyền nuôi con thường phát sinh trong các thủ tục tố tụng liên quan đến [ly hôn](#), hủy bỏ, [ly thân](#), [nhận con nuôi](#) hoặc khi xảy ra cái chết của cha mẹ. Trong hầu hết các [khu vực pháp lý quyền](#) nuôi con được xác định theo [lợi ích tốt nhất của trẻ](#).^[2]

Sau khi phê chuẩn [Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em](#) ở hầu hết các quốc gia, các điều khoản như trách nhiệm của cha mẹ, " cư trú " và "quyền liên hệ" (còn được gọi là "thăm viếng") đã thay thế các khái niệm "quyền nuôi con" và "quyền được gặp" ở một số quốc gia thành viên. Thay vì cha mẹ có "quyền nuôi con" hoặc có "quyền tiếp cận" với con, giờ đây một đứa trẻ được cho là có "nơi cư trú" hoặc có "liên hệ" với cha mẹ.^[3]

Quyền nuôi con là một trong những quyền cơ bản của bố mẹ trong hôn nhân, sau khi ly hôn. Quyền nuôi con được quy định trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Hiến pháp 2013, Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Luật Trẻ em 2016 của Việt Nam. Quyền nuôi con bao gồm quyền được bố mẹ chăm sóc trong thời kỳ hôn nhân và quyền được chăm sóc sau khi bố mẹ ly hôn.

1.1.1.2 Căn cứ xác định con chung và quyền nuôi con chung trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

1.1.1.2.1 Căn cứ xác định con chung

Việc ly hôn chỉ làm chấm dứt quan hệ hôn nhân vợ chồng chứ không làm chấm dứt quan hệ cha, mẹ, con giữa vợ chồng và con chung. Do đó, khi cha, mẹ ly hôn thì vấn đề con chung là một trong những vấn đề quan trọng cần xem xét giải quyết. Với Luật HN&GD, khái niệm “*con chung của vợ chồng*” được đặt ra đối với vợ chồng có quan hệ hôn nhân hợp pháp – tức là có giấy đăng ký kết hôn theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Vậy, con chung của vợ chồng là con mà vợ chồng được xác định là cha, mẹ của người đó, bao gồm cả con đẻ và con nuôi. (Nông Thị Trang (2019), “Giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và thực tiễn thi hành tại tỉnh Bắc Kạn”, *Luật văn thạc sĩ Luật học*, Đại học Luật Hà Nội, tr. 7.)

Điều 88 Luật HN&GD 2014 đã quy định rõ ràng về căn cứ xác định con chung của vợ, chồng. Cụ thể, trường hợp con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, hoặc người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân hoặc sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân thì đứa trẻ sinh ra sẽ được xác định là con chung của người vợ với chồng. Trong trường hợp con được sinh ra trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn, nhưng được vợ chồng thừa nhận là con chung, thì đứa trẻ vẫn được xác định là con chung của vợ chồng.

Trong các trường hợp trên, toà án sẽ dựa vào giấy khai sinh của con để xác định bố, mẹ. Trong trường hợp trong quá trình ly hôn, người vợ hoặc người chồng không đồng ý rằng đứa trẻ là con chung của cả hai thì cần phải tự cung cấp chứng cứ chứng minh trước Toà án [5- Khoản 2 Điều 88 Luật HN&GD 2014]. Mặt khác, con chung của vợ chồng khi đã thành niên và có khả năng lao động thì không thuộc đối tượng con chung phải giải quyết khi vợ chồng ly hôn.

Mối quan hệ giữa con cái với cha mẹ không chỉ được thể hiện trong các quy phạm đạo đức, tôn giáo, xã hội... mà còn được điều chỉnh cụ thể trong pháp luật.

Về nguyên tắc, con chung của vợ chồng được xác định thông qua quan hệ huyết thống. Điều này được quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014:

“Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.”

Từ quy định pháp luật nêu trên, có thể hiểu thực tế những trường hợp được xem là con chung của vợ chồng như sau:

- Con được sinh trong thời kỳ hôn nhân.
- Vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng sau khi ly hôn mới sinh con.
- Vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng sau khi người chồng chết mới phát hiện mình có thai và sinh con.
- Vợ chồng chưa đăng ký kết hôn mà có con và thừa nhận đó là con chung.

Ngoài ra, Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định con được sinh ra trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là con chung của vợ chồng nhờ mang thai hộ kể từ thời điểm con được sinh ra. Không những vậy, đối với trường hợp nhận nuôi con nuôi, người con vẫn được xem xét như con chung của vợ chồng theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi.

Trên thực tế, nhằm đảm bảo môi trường học tập và phát triển của con, pháp luật luôn tạo điều kiện để xác định người con sống cùng cha mẹ hiện tại là con chung của vợ chồng này.

1.1.1.2.2 Căn cứ xác định quyền nuôi con

Việc ai sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn sẽ tùy thuộc vào từng trường hợp sau:

Cách xác định quyền nuôi con **trường hợp thứ nhất**, vợ chồng đã tự thỏa thuận được với nhau về vấn đề ai sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn để đảm bảo lợi ích tốt nhất về mọi mặt cho con, lúc này, căn cứ vào nhu cầu thiết yếu cũng như căn cứ vào lợi ích chính đáng, tốt nhất về mọi mặt cho con thì Tòa án có thể ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của hai vợ chồng và sẽ giao con cho người bố hoặc mẹ để con sẽ có được một cuộc sống tốt nhất sau khi hai vợ chồng ly hôn.

Cách xác định quyền nuôi con **trường hợp thứ hai**, cả hai vợ chồng đều muốn giành quyền nuôi con sau khi ly hôn. Lúc này, sẽ căn cứ vào độ tuổi của con: Con từ đủ 07 tuổi trở lên sẽ xem xét nguyện vọng của con; con dưới 36 tháng tuổi sẽ giao cho người mẹ trực tiếp nuôi; con ở độ tuổi từ đủ 36 tháng tuổi đến dưới 07 tuổi thì cả hai vợ chồng đều có quyền ngang nhau trong việc giành quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

1.1.1.3 Ý nghĩa của căn cứ xác định quyền nuôi con chung trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

Việc đưa ra căn cứ xác định quyền nuôi con chung trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn nhằm tạo ra được hành lang pháp lý phù hợp với từng điều kiện và hoàn cảnh của từng gia đình trong các vụ án ly hôn liên quan đến tranh chấp quyền nuôi con. Tòa án sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể của cha mẹ trong trường hợp thỏa thuận và không thỏa thuận được để đưa ra quyết định xem ai là người phù hợp để nuôi dưỡng con cái.

Việc xác định này sẽ tạo ra môi trường an toàn, lành mạnh, phù hợp với sự phát triển của con cái, đáp ứng đầy đủ vật chất và tinh thần để trẻ tiếp tục cuộc sống bình thường như bao đứa trẻ khác. Dù đã ly hôn nhưng cha mẹ vẫn phải đảm bảo đủ các quyền mà con cái họ sẽ nhận được, cha mẹ và con cái vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật.

1.1.2 Khái quát chung về tranh chấp và giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

1.1.2.1 Khái niệm về tranh chấp

Tranh chấp là những mâu thuẫn và xung đột phát sinh trong đời sống, giữa các cá nhân, tổ chức trong các quan hệ xã hội. Nói về phạm vi của tranh chấp thì rất rộng bởi tranh chấp bao gồm nhiều dạng và trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Theo từ điển tiếng Việt, tranh chấp có nghĩa là việc giữa hai cá nhân hoặc giữa cá nhân với tổ chức hoặc giữa tổ chức với tổ chức có mâu thuẫn về quyền lợi và nghĩa vụ trong quản lý sử dụng nhà, đất; một trong hai bên hoặc cả hai có đơn yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước thụ lý giải quyết."

Theo một số tài liệu khác, tranh chấp còn mang nghĩa tranh giành nhau một cách giằng co cái không rõ thuộc về bên nào hoặc đấu tranh giằng co khi có ý kiến bất đồng, thường là trong vấn đề quyền lợi giữa hai bên

Tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn là một trong các phạm trù nằm trong tranh chấp dân sự. *Tranh chấp dân sự được hiểu là những mâu thuẫn, xung đột giữa các cá nhân, tổ chức trong các quan hệ về nhân thân hoặc tài sản.* Khi tham gia các quan hệ dân sự, tranh chấp xảy ra là điều không ai muốn. Tuy nhiên, khi có tranh chấp xảy ra, làm như thế nào để bảo vệ quyền lợi của mình và giảm thiểu tối đa việc ảnh hưởng xấu đến quan hệ hai bên, ít tốn kém thời gian, công sức, tiền bạc là điều tiên quyết cần để ý đến.

1.1.2.2 Khái niệm về tranh chấp quyền nuôi con

Trong hầu hết các vụ án ly hôn, việc tranh giành hay bác bỏ quyền/nghĩa vụ nuôi con vẫn luôn căng thẳng không kém gì việc phân chia tài sản. Tranh chấp [quyền nuôi con khi ly hôn](#) là việc vợ chồng không thỏa thuận được với nhau ai sẽ là người nuôi con và có yêu cầu tòa án giải quyết việc phân định quyền nuôi con.

1.1.2.3 Khái niệm về giải quyết tranh chấp

Giải quyết tranh chấp là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét và ra quyết định xử lý các tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong vụ việc tranh chấp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

1.1.2.4 Khái niệm về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con

Tranh chấp về quyền nuôi con diễn ra tương đối phổ biến trong các vụ án ly hôn. Cha mẹ không thông nhất được với nhau về việc trao cho ai quyền nuôi con bởi họ sợ mình sẽ bị ngăn cản trong việc thăm non, chăm sóc con và cũng không muốn để đôi phương chăm sóc con chung của họ. Chính vì vậy, pháp luật đặt ra những cơ chế để đảm bảo lợi ích của cả hai bên trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con bên cạnh những quy định về quyền nuôi con ở trên như sau:

Một là, căn cứ giành quyền nuôi con: Khi muốn giành quyền nuôi con phải chứng minh các điều kiện về tài chính; đạo đức, nhân phẩm; thời gian chăm sóc, giáo dục con cái. Ngoài ra còn xem xét đến các yếu tố vật chất như nơi ăn, ở, đi lại học tập của con và yếu tố tinh thần như điều kiện vui chơi, giải trí giúp con phát triển lành mạnh, trong sáng.

Hai là, thay đổi quyền nuôi con: Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể bị thay đổi theo quyết định của Tòa án nếu có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, tổ chức (Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ) khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;
- Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo quan điểm cá nhân của em, giải quyết tranh chấp quyền nuôi con là việc cha và mẹ cùng nhau thỏa thuận và quyết định xem ai sẽ là người sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc con cái sau khi họ ly hôn. Trong trường hợp cha mẹ không thỏa thuận

được với nhau, quyền nuôi con thuộc về ai sẽ căn cứ theo nhiều yếu tố: tuổi tác của con, điều kiện vật chất và tinh thần của cha mẹ, một số trường hợp sẽ xem xét yêu cầu, nguyện vọng của con.

1.2 Cơ sở pháp lý của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

1.2.1 Cơ sở pháp lý

Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định trong giải quyết tranh chấp quyền nuôi con cái sau khi ly hôn có nội dung sau đây:

“Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Theo đó, chúng ta thấy được những vấn đề về nguyên tắc chia con cái như sau:

Theo Điều 81 Luật HN&GD năm 2014 thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Quyền nuôi con khi ly hôn được xác định như sau:

a. Trường hợp cha mẹ thỏa thuận về quyền nuôi con khi ly hôn: Cha mẹ có thể thỏa thuận với nhau để cha hoặc mẹ là người trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc con và người kia có nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu con từ đủ 07 tuổi đến dưới 18 tuổi, Tòa án sẽ triệu tập để lấy lời khai về nguyện vọng sống với cha hoặc mẹ.

b. Trường hợp cha mẹ không thể thỏa thuận về quyền nuôi con khi ly hôn.

1.2.1.1 Quyền nuôi con khi con dưới 36 tháng tuổi

Nếu con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Tuy mặc định việc giao con dưới 03 tuổi cho người mẹ trực tiếp nuôi nhưng trong trường hợp người cha chứng minh được người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con thì Tòa án vẫn có thể giao con cho người cha trực tiếp nuôi con.

1.2.1.2 Quyền nuôi con khi con từ 36 tháng tuổi và dưới 7 tuổi

Nếu con trên 03 tuổi thì quyền nuôi con của cha, mẹ là như nhau. Vấn đề nuôi con là một trong các vấn đề dân sự, vì vậy nguyên tắc đầu tiên, cơ bản của mọi sự việc dân sự đều là tôn trọng thỏa thuận của các bên. Tòa án chỉ giải quyết khi các bên không thể thỏa thuận hoặc việc thỏa thuận đó không hợp pháp hoặc ảnh hưởng xấu/bất lợi đến quyền lợi của người khác. Vấn đề nuôi con cũng vậy, tòa án chỉ xem xét giải quyết nếu các bên không thể tự thỏa thuận về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 thì việc giao quyền nuôi con cho một bên sau khi ly hôn phải đảm bảo “quyền lợi về mọi mặt của con”. Mặc dù điều luật không quy định rõ thế nào là quyền lợi về mọi mặt của con? Tuy nhiên, trên thực tế và quá trình giải quyết của tòa án có thể khái quát về quyền lợi mọi mặt của con như sau:

Thứ nhất, quyền lợi về vật chất: Quyền lợi về vật chất tức là các điều kiện để bảo đảm các nhu cầu về ăn, ở, sinh hoạt cho con hay nói chung là vấn đề tài chính. Vì vậy, trong trường hợp các bên có tranh chấp về quyền nuôi con sau khi ly hôn, thì tòa án sẽ căn cứ vào các yếu tố chứng minh điều kiện bảo đảm về vật chất của một trong các bên làm thước đo để quyết định giao quyền nuôi con cho ai. Vấn đề này thường được đánh giá trên các yếu tố sau đây:

- **Chỗ ở:** Được hiểu chung là chỗ ở hợp pháp, có nhà riêng hoặc có nhà thuê ổn định hoặc có điều kiện về chỗ ở chung với gia đình (bố mẹ vợ/chồng) sau khi ly hôn.
- **Thu nhập:** Tiền lương từ lao động (*Hợp đồng lao động; bảng lương tối thiểu 06 tháng; sao kê lương ngân hàng (nếu có)...*); Thu nhập từ các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, ví dụ: cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động của công ty, hợp đồng góp vốn; Thu nhập từ các khoản tài trợ hoặc tiền gửi
- **Phương tiện:** Phương tiện phục vụ đời sống là tài sản riêng, ví dụ: Ô tô, xe máy, máy bay ...

Thứ hai, quyền lợi về tinh thần: Để quyết định giao quyền nuôi con sau khi ly hôn cho một người, thì yếu tố vật chất như nói trên là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Bởi lẽ, trong trường hợp một bên còn lại tuy điều kiện vật chất không bằng, không tốt hơn nhưng có các điều kiện về tinh thần bảo đảm hơn nhiều thì xu hướng của tòa án thường giao con cho người có điều kiện bảo đảm yếu tố về tinh thần cho con nhiều hơn và bên không được giao quyền nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc sẽ được chia số lượng, giá trị tài sản ít hơn để cho bên còn lại bảo đảm quyền tốt hơn cho con.

Các yếu tố chứng minh điều kiện bảo đảm về yếu tố tinh thần cho con có thể kể đến như:

- **Trình độ học vấn, kỹ năng, kinh nghiệm** để bảo đảm việc nuôi dạy con, đặc biệt trong các trường hợp con có các vấn đề về tâm sinh lý

Ví dụ: Con bị tự kỷ hoặc các bệnh về tâm thần hoặc con có khả năng đặc biệt mà người kia có chuyên môn phù hợp với tình trạng sức khỏe, tâm lý của con

Ví dụ: mẹ là bác sĩ chăm sóc cho con bị bệnh hen sẽ tốt hơn cha không có chuyên môn này ...

- **Tình trạng vi phạm pháp luật của cha mẹ:** Được hiểu là cha/mẹ có tiền án, tiền sự hoặc thuộc diện có nhân thân xấu đã thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật đặc biệt là các hành vi liên quan tới bạo lực nói chung, bạo lực gia đình nói riêng hoặc xâm hại quyền lợi của trẻ em... sẽ khó có khả năng giành được quyền nuôi con khi bên còn lại không có các đặc điểm nhân thân xấu này.
- **Giới tính:** Đối với các trường hợp con gái thì thường được ưu tiên giao cho mẹ nhiều hơn do đặc điểm chăm sóc về tâm, sinh lý.
- **Thời gian chăm sóc con:** Thông thường, người có thời gian chăm sóc con thường sẽ được ưu tiên giao quyền nuôi con. Ví dụ: 01 người lái xe container thường xuyên với các chuyến hàng xuyên ngày đêm hàng tháng không về thì không thể được quyền ưu tiên hơn mẹ làm giáo viên hoặc công nhân có thời gian cố định.
- **Việc giao quyền nuôi con không làm thay đổi nhiều đời sống, sinh hoạt, học tập của con:** Trường hợp hai bên có tranh chấp, trong khi các điều kiện khác cơ bản là tương đương nhau, thì bên có yếu tố sau khi nhận quyền nuôi con không làm thay đổi việc học tập, sinh hoạt của con sẽ được ưu tiên giao quyền nuôi con để bảo đảm tính ổn định đời sống, tâm lý cho con.

Tuy nhiên, quy định không phải mọi trường hợp đều giao cho người mẹ chăm sóc; trong trường hợp người mẹ không đủ khả năng, điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi nấng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác thì Tòa án vẫn sẽ có quyết định khác nhằm phù hợp với lợi ích của con.

Trường hợp xét thấy cả cha và mẹ đều không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho người giám hộ trong đó bao gồm: Người giám hộ đương nhiên theo thứ tự sau:

- Anh ruột là anh cả hoặc chị ruột là chị cả là người giám hộ. Nếu anh cả hoặc chị cả không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì anh ruột hoặc chị ruột tiếp theo là người giám hộ (trừ trường hợp có thỏa thuận anh ruột hoặc chị ruột khác là người giám hộ);
- Trường hợp không có anh, chị ruột thì ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người giám hộ hoặc những người này thỏa thuận cử một hoặc một số người trong số đó là người giám hộ;
- Trường hợp không có người giám hộ như các đối tượng nêu trên thì bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột hoặc dì ruột là người giám hộ.

Người giám hộ được cử, chỉ định:

- Trường hợp không có người giám hộ đương nhiên thì UBND cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ có trách nhiệm cử người giám hộ.
- Trường hợp có tranh chấp giữa những người giám hộ đương nhiên về người giám hộ hoặc tranh chấp về việc cử người giám hộ thì Tòa án chỉ định người giám hộ.
- Trường hợp cử, chỉ định giám hộ cho con từ đủ 06 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

1.2.1.3 Quyền nuôi con khi con từ 7 tuổi

Khi quyết định ai trực tiếp nuôi con thì ngoài cân nhắc điều kiện của cha mẹ, Tòa án sẽ lắng nghe ý kiến của trẻ. Khi lấy ý kiến của trẻ phải tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 208 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015: bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của trẻ; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ; Đặc biệt, việc lấy ý kiến phải đảm bảo giữ bí mật cá nhân của trẻ. Theo Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 04 năm 2017 của TANDTC, tại Điểm 26 Mục IV cũng hướng dẫn về quy định nêu trên như sau: Trên thực tế, ý kiến của con thường chỉ mang tính định hướng, tham khảo, là một phân để Tòa án xem xét đi đến quyết định, không có ý nghĩa hoàn toàn quyết định.

1.2.2 Căn cứ giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

1.2.2.1 Về quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con

Theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) năm 2014 thì “Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”, tức là quyền và nghĩa vụ đối với con luôn đặt ra với người làm cha, làm mẹ không phụ thuộc vào quan hệ hôn nhân của cha và mẹ còn tồn tại hay đã chấm dứt quan hệ vợ chồng hoặc chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng hay chưa, cụ thể:

+ Khoản 1 Điều 14 LHNGĐ 2014 quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

+ Khoản 1 Điều 81 LHNGĐ 2014 quy định: “1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.”

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết,

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Như vậy, khi hai người không chung sống với nhau nữa thì cha, mẹ vẫn phải thực hiện quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không phải trường hợp nào cha mẹ cũng xảy ra chuyện tranh giành nuôi con. Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi con trong các trường hợp sau đây: Con chưa thành niên; Con đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình

1.2.2.2 Về việc giao con cho người nuôi

Khoản 2 và 3 Điều 81 LHNGĐ 2014 quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Tòa án luôn dựa vào nguyên tắc thỏa thuận giữa cha và mẹ của người con để quyết định ai sẽ là người được nuôi con. Do đó, cha, mẹ của người con có thể thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau đối với con vào thời điểm trước, trong hoặc sau khi yêu cầu Tòa án chấm dứt quan hệ vợ chồng hay quan hệ chung sống như vợ chồng.

Khi cha, mẹ của người con không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ dựa vào quyền lợi của con để quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc quyết định ai có quyền nuôi con khi ly hôn ngoài những điều kiện nêu trên còn phụ thuộc vào các yếu tố khác, như chỗ ở, thu nhập, thời gian chăm sóc con... của mỗi bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Theo đó, người được nuôi con phải chứng minh được trước Tòa án về bản thân sẽ cung cấp môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển của con và có đủ các điều kiện đảm bảo cả về kinh tế lẫn tinh thần đáp ứng cho yêu cầu phát triển bình thường của người con; người được nuôi con phải chứng minh mình có đủ điều kiện vật chất về thu nhập, tài sản, nơi ở ổn định... về tinh thần (có đủ thời gian để ở bên con, chăm sóc, nuôi dưỡng con, luôn phải đặt con lên hàng đầu...) để người con có cuộc sống ổn định và phát triển hơn bên không được nuôi con.

Ngoài ra, một trong hai người có thể cung cấp thêm các chứng cứ chứng minh người còn lại không đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi dạy con cái, thường xuyên có hành vi bạo lực, thu nhập không ổn định...

Ngoài những quy định nêu trên, khi Tòa án quyết định giao con cho người nào nuôi còn lưu ý một số điểm sau đây:

– “Xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi”, tức trong quá trình phán quyết ai sẽ là người nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phụ trách phiên tòa giải quyết ly hôn là người có thẩm quyền lấy ý kiến trẻ từ đủ 07 tuổi về việc muốn sống với cha hay với mẹ. Khi lấy ý kiến của trẻ phải tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều

208 BLTTDS 2015 là phải bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của trẻ; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Đặc biệt, việc lấy ý kiến phải đảm bảo giữ bí mật cá nhân của trẻ. Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017 của TANDTC tại điểm 26 Mục IV cũng hướng dẫn về quy định nêu trên như sau: “Phương pháp lấy ý kiến phải bảo đảm thân thiện với trẻ em. Tuy nhiên, Tòa án phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con để quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng”. Trên thực tế, ý kiến của con thường chỉ mang tính định hướng, tham khảo, là một phần để Tòa án xem xét đi đến quyết định, không có ý nghĩa hoàn toàn quyết định.

– Trường hợp con dưới 03 tuổi, mặc định quyền nuôi con thuộc về người mẹ, trừ khi người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác. Luật quy định như vậy xuất phát từ yêu cầu đảm bảo quyền được hưởng đầy đủ các quyền của đứa trẻ, nên khi xem xét việc giao con cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng Tòa án phải đánh giá thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của cha, mẹ; tuy mặc định việc giao con dưới 03 tuổi cho người mẹ trực tiếp nuôi nhưng trong trường hợp người cha chứng minh được người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con thì Tòa án vẫn có thể giao con cho người cha trực tiếp nuôi con.

Khi thực hiện quyết định ly hôn hoặc chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng thì người không trực tiếp nuôi con phải tuân thủ quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; theo đó, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con khi con sống với người còn lại, có nghĩa vụ cấp dưỡng và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không thể lấy lý do thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi đó, người có trách nhiệm nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom. Cụ thể, Điều 85 LHNGĐ 2014 quy định các trường hợp sau đây sẽ bị Tòa án hạn chế quyền thăm nom con:

– Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý;

- Có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

- Phá tài sản của con;

- Có lối sống đồi trụy;

- Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Khi có căn cứ cho rằng bên không trực tiếp nuôi con có các dấu hiệu được quy định tại Điều 85 LHNGĐ 2014 thì bên trực tiếp nuôi con vì quyền lợi của con có quyền làm đơn đến Tòa án yêu cầu hạn chế quyền thăm nom của bên không trực tiếp nuôi con, Hồ sơ yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con bao gồm:

- Đơn yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con

- Bản sao quyết định ly hôn có công chứng

- Bản sao chứng minh thư nhân dân

- Chứng cứ chứng minh người không trực tiếp nuôi con đã có hành vi ảnh hưởng đến việc chăm sóc giáo dục con

- Đơn xin xác nhận cư trú chứng minh thăm quyền khởi kiện

Người yêu gửi đơn tới Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú để được giải quyết.

1.2.2.3 Về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng

Không chỉ được quyền thăm con mà người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng để san sẻ một phần gánh nặng về tiền bạc đối với người nuôi con. Vấn đề này được quy định cụ thể tại Điều 110 LHNGĐ 2014: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*.

Cấp dưỡng theo quy định tại khoản 24 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân,

huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên, người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình hoặc người gặp khó khăn, túng thiếu.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác (khoản 1 Điều 107). Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con (Điều 110). Cụm từ “không có khả năng lao động” hiện nay không được pháp luật quy định cụ thể. Do vậy, khả năng lao động có thể hiểu là khả năng dùng sức lực của người đó để tham gia vào quá trình sản xuất lao động nhằm tạo ra của cải vật chất phục vụ trước hết là cho nhu cầu vật chất, tinh thần cho chính bản thân người đó. Người không có khả năng lao động là người vì bị bệnh tật hay khiếm khuyết bộ phận cơ thể... mà không thể tham gia lao động nhằm nuôi sống bản thân họ.

Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đó, khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con sẽ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Trước hết, mức cấp dưỡng sẽ do hai bên (cha và mẹ) thỏa thuận căn cứ vào thu nhập thực tế, khả năng tài chính của người cấp dưỡng cũng như nhu cầu chi tiêu của người con. Đặc biệt, khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay

đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng cũng do các bên thỏa thuận. Chỉ khi không thể thỏa thuận được, Tòa án mới quyết định áp dụng mức cấp dưỡng cho các bên. Các phương thức cấp dưỡng cũng khá linh hoạt; có thể cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận.

Hiện nay, pháp luật hiện hành không quy định mức cấp dưỡng cụ thể là 1 triệu, 2 triệu hay 5 triệu/tháng mà tạo điều kiện cho các bên tự thỏa thuận dựa vào điều kiện, thu nhập của người cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Thông thường thực tế Tòa án thường ấn định mức cấp dưỡng dao động 15-30% mức thu nhập của người cấp dưỡng.

1.2.2.4 Về thay đổi quyền nuôi con và xử lý vi phạm các quy định liên quan đến giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

Khi ly hôn, theo thỏa thuận của cha mẹ hoặc theo Quyết định của Tòa án, con cái sẽ được giao cho Cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Trong thời gian này, Cha mẹ, người thân thích hoặc các Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Quyền được trực tiếp nuôi con không phải lúc nào cũng cố định. Trong các trường hợp được quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 sau đây có thể được thay đổi người nuôi con sau khi Tòa án đã có quyết định:

- Khi cha mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người nuôi con: Cha và mẹ cùng đồng thuận, thống nhất thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở phù hợp và đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích của con. Bởi đây là quan hệ dân sự nên pháp luật và các cơ quan Nhà nước sẽ tôn trọng ý chí của các con trong việc xác định, phân chia ai là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái.

- Nếu con trên 7 tuổi thì khi đổi người nuôi con phải hỏi ý kiến của con.

- Cha hoặc mẹ có quyền yêu cầu nếu thấy người còn lại không còn đủ khả năng và điều kiện để chăm sóc và mang đến cho con lợi ích tốt nhất nữa.

– Nếu cả cha mẹ đều không có đủ điều kiện để nuôi dạy con thì Tòa sẽ quyết định trao quyền nuôi con cho người giám hộ

Theo quy định tại Điều 53, Điều 54 Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình thì:

+ Người nào có hành vi từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn, giữa cha mẹ và con sau khi ly hôn thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100 nghìn đồng đến 300 nghìn đồng.

+ Người nào có hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa cha, mẹ và con thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100 nghìn đồng đến 300 nghìn đồng.

Bên cạnh đó, Điều 380 BLHS 2015 quy định: Khi đã có quyết định của Tòa án yêu cầu cha hoặc mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng không thực hiện bản án mặc dù có đủ điều kiện và đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thì có thể bị phạt tối đa 5 năm tù giam.

Ngoài ra, Điều 186 BLHS 2015 còn quy định nếu việc trốn tránh hoặc từ chối nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ khiến người con lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe thì có thể bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

1.2.3 Hệ quả pháp lý của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

a) Về quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng

Theo quy định tại Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Như vậy, khi ly hôn, quan hệ hôn nhân của vợ chồng chấm dứt. Hai bên sẽ không còn là vợ chồng của nhau. Các quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng sẽ đương nhiên chấm dứt. Giữa hai bên sẽ không còn tồn tại nghĩa vụ phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; chấm dứt quyền đại diện cho nhau

giữa vợ và chồng và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Kể từ thời điểm bản án, quyết định của Tòa án giải quyết ly hôn có hiệu lực pháp luật thì cá nhân đó là người độc thân. Họ hoàn toàn có thể kết hôn lần thứ 2 với một người khác mà không phải chịu bất kỳ một sự ràng buộc pháp lý nào từ bên còn lại.

b) Về quan cha mẹ đối với con cái

Việc ly hôn chỉ làm chấm dứt quan hệ giữa vợ và chồng, không làm chấm dứt quan hệ cha, mẹ, con. Giữa cha, mẹ và con vẫn tồn tại các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Sau ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.
- Hai vợ chồng được thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

Một hậu quả của ly hôn cần lưu ý chính là việc phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Theo quy định của Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình 2014, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Mức cấp dưỡng này do hai bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án quyết định mức cấp dưỡng dựa trên quyền lợi của con và điều kiện, thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Nhìn chung ở chương 1, em đưa ra các khái quát chung về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn, bao gồm các vấn đề liên quan đến cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý. Đây là phần rất quan trọng làm căn cứ để đưa ra các quy định liên quan đến vấn đề giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ

ly hôn. Bên cạnh đó nêu ra một số hệ quả pháp lý về quan hệ giữa cha mẹ và con cái, những tranh chấp mà họ sẽ gặp phải sau khi ly hôn, đặc biệt là liên quan đến quyền nuôi dưỡng con cái của họ.

Chương 2:**THỰC TRẠNG VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN NUÔI CON SAU KHI CHA MẸ LY HÔN****2.1 Thực trạng giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn**

2.1.1 Những thành tựu trong giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

Trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi ly hôn tại các tòa án trên địa bàn cả nước đã đạt được một số thành tựu như sau:

Thứ nhất, đã áp dụng một cách cụ thể, chặt chẽ các quy định về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn đã được quy định tại các Bộ luật, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Thứ hai, đã có hơn 30 vụ án được Tòa án thụ lý và giải quyết liên quan đến vấn đề giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn. Trong đó có 3 vụ án là người chồng giành được quyền nuôi con, 28 vụ án là người vợ dành được quyền nuôi con.

Thứ 3, các vụ án được giải quyết đa phần là dựa vào dựa thỏa thuận của hai bên, một số vụ án được xử lý với lý do con còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, đã quen sống với mẹ và phần lớn các bé là con gái đang đến tuổi dậy thì nên cần có mẹ bên cạnh.

2.1.2 Những hạn chế trong việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn.

Dù đã đạt được nhiều thành tựu, tuy nhiên cũng có nhiều hạn chế trong công tác giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn. Các quy định của pháp luật khi áp dụng vào thực tiễn còn vấp phải một số khó khăn: Hai vợ chồng có hai con chung, sau khi ly hôn tùy theo thỏa thuận hoặc do Tòa án quyết định sẽ giao quyền nuôi con cho ai. Thông thường sẽ giao cho mỗi bên nuôi một người để

đỡ gánh nặng về mặt tài chính, tuy nhiên có một số trường hợp 2 con muốn sống chung với mẹ hoặc sống chung với bố, không muốn sống xa nhau thì trường hợp đó trong công tác giải quyết còn lúng túng và chưa chuẩn xác. Tiếp theo đó, trong trường hợp nếu con của 2 vợ chồng đã trên 7 tuổi, ban đầu 2 vợ chồng quyết định con sẽ để mẹ nuôi và bố cấp dưỡng, tuy nhiên một thời gian sau người mẹ do công việc bấp bênh tài chính và số tiền cấp dưỡng không đủ để nuôi con. Người cha lúc đó điều kiện vật chất và tinh thần đều tốt nên muốn làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nhưng khi hỏi ý kiến người con, con vẫn muốn ở với mẹ, tuy nhiên theo quy định ý kiến của con chỉ mang tính chất tham khảo còn quyết định của Tòa sẽ căn cứ theo tình hình thực tế của cả hai bố mẹ để đưa ra quyết định nhằm đảm bảo quyền lợi của con. Đây là 2 trong nhiều trường hợp gặp khó khăn khi giải quyết tranh chấp quyền nuôi con trong thực tiễn.

Điều tiếp theo là việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con. Theo thỏa thuận của các bên và quyết định của Tòa án, người không trực tiếp nuôi con sẽ cấp dưỡng cho người trực tiếp nuôi con, để học có kinh phí chăm sóc và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên việc này chỉ thực hiện trong khoảng thời gian đầu, thời gian sau đó người không trực tiếp nuôi con không gửi tiền cấp dưỡng, nếu có gửi thì sẽ ít hơn so với số tiền đã thỏa thuận. Dù bên trực tiếp nuôi con đã làm đơn lên Tòa để xem xét việc này, nhưng mức xử phạt lại chưa thỏa đáng, chưa đủ sức răn đe.

2.2. Một số vướng mắc pháp lý khi giải quyết tranh chấp về quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

2.2.1 Vấn đề giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

Trong các vụ án tranh chấp ly hôn, ngoài việc các bên đương sự xin ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung thì tranh chấp quyền nuôi con cũng là dạng tranh chấp trong hầu hết các quan hệ hôn nhân mà Tòa án thụ lý, giải quyết, bởi cả cha và mẹ đều mong muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi các bên ly hôn. Diễn hình qua các vụ án:

Vụ thứ nhất: vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn bà Lê Thị K và bị đơn ông Lê H.V. Nội dung vụ án thể hiện, bà K và ông V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Quá trình chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn L.N, sinh ngày 15/5/2017 (nữ). Sau hơn một năm cả hai phát sinh mâu thuẫn, ông V cho rằng bà K có quan hệ bất chính, còn bà K cho rằng ông V có hành vi bạo hành dẫn đến mâu thuẫn các bên ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Đến ngày 10/7/2020 giữa bà K và ông V kí bản tự nguyện cam kết về vấn đề hôn nhân, tài sản chung và con chung. Sau khi thỏa thuận bà K rời khỏi nhà ông V và để con chung là cháu N cho ông V nuôi dưỡng. Đến ngày 14/8/2020, bà K khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông V, yêu cầu được nuôi con chung là cháu N, sinh ngày 15/5/2017 (nữ), không yêu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về vấn đề hôn nhân và giao con chung là cháu N cho ông V nuôi dưỡng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà K có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét để bà được nuôi con chung là cháu N, do ông V đã có hành vi cản trở bà chăm sóc, thăm nom đối với con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và 02 Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã cung cấp các chứng cứ (hình ảnh) để chứng minh việc bị đơn đã có hành vi cản trở, không cho bà chăm sóc, thăm nom đối với con chung. Và phía luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng đã cung cấp được các chứng cứ, lời khai nhân chứng để chứng minh ông V không có hành vi cản trở việc thăm con của bà H và chứng minh việc cháu bé nếu được ông V nuôi dưỡng sẽ có cuộc sống tốt ở hiện tại và cả tương lai, thể hiện qua các hình ảnh cuộc sống hiện tại của bé tại nhà, nơi học và chứng minh được bị đơn đã chăm sóc, yêu thương con chung qua những hành động cụ thể nhằm đảm bảo cho bé có cuộc sống tốt cả về vật chất và tinh thần. Qua các chứng cứ thu thập được ở giai đoạn phúc thẩm, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát và Hội

đồng xét xử đã thống nhất đi đến phán quyết giữ nguyên bản án sơ thẩm, tiếp tục giao con chung là cháu N, sinh ngày 15/5/2017 (nữ) cho bị đơn ông V nuôi dưỡng.

Vụ án đã kết thúc, đó là kết quả kiên trì của những người trong cuộc để dành quyền nuôi dưỡng đối với con chung và là kết quả của sự cân nhắc, đắn đo giữa lý và tình để đi đến một phán quyết khác với thông lệ - Giao con chung là bé gái đẻ cha nuôi dưỡng.

Vụ thứ hai: Tranh chấp ly hôn nuôi con chung giữa nguyên đơn bà Trần T.V và bị đơn ông Vương V.C, tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khi sinh con thứ hai thì ông C không tu chí làm ăn lo cho gia đình, vợ con. Mặc dù bà V nhiều lần nhắc nhở mong thay đổi nhưng ông C vẫn không thay đổi mà còn đánh đập bà. Do không còn tình cảm và mâu thuẫn nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông C. Về con chung bà và ông C có 02 người con chung là Vương T.A (nữ) sinh ngày 01/4/2009 và Vương T.P (nam) sinh ngày 30/11/2016, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 30/03/2021, Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về vấn đề ly hôn, giao 02 con chung cho bà V nuôi dưỡng. Ông C kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vương T. P (nam) sinh ngày 30/11/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V trình bày kể từ khi tòa sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà được chăm sóc hai con chung, bà ở nhà cha mẹ ruột cùng với 02 con, ông C đến đón cháu Vương T. P (nam) sinh ngày 30/11/2016 về nhà thăm ông bà nội và giữ lại chăm sóc được hơn một năm, nay bà không đồng ý giao cháu P cho ông C nuôi dưỡng. Ông C cho rằng ông có nhà và nguồn thu nhập ổn định, hiện tại cháu P được ông chăm sóc tốt, cháu cũng đã quen với môi trường sống tại nhà ông, hơn nữa cha mẹ ông là ông bà nội của cháu P rất yêu thương cháu vì trước đây có 02 cháu A và cháu P cùng sống chung nhà, nay vì ly hôn nếu 02 cháu cùng sống với mẹ thì ông bà rất suy sụp tinh thần nên ông C yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo cho ông được quyền nuôi con chung là

cháu Vương T. P (nam) sinh ngày 30/11/2016. Hội đồng xét xử đã hỏi các bên về tình trạng hiện tại của cháu P, bà V và ông C đều cho rằng hiện tại cháu sống khỏe mạnh, phát triển bình thường, đã quen với môi trường sống mới, sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích thêm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ khi nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà V và ông C đã thỏa thuận tại phiên tòa bà V giao cho ông C nuôi dưỡng cháu P, bà V nuôi dưỡng cháu A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của ông C và bà V về việc nuôi con chung. Việc các đương sự thỏa thuận quyền nuôi con là kết quả mong muốn của Hội đồng xét xử, bởi điều này tránh được việc phải thi hành bản án giao con chung theo phán quyết của tòa án, chưa kể nếu các bên không tự nguyện thi hành phải cưỡng chế thi hành án giao con thường sẽ gặp nhiều khó khăn vì đối tượng thi hành là trẻ em, đối tượng dễ bị tổn thương về tâm lý cần phải được bảo vệ.

Trong thực tiễn xét xử đối với những vụ án tranh chấp nuôi con chung, Hội đồng xét xử luôn tuân thủ nguyên tắc “bảo vệ phụ nữ”. Do đó, hầu hết các vụ án ly hôn khi tranh chấp quyền nuôi con, Hội đồng xét xử thường quyết định giao con chung cho người vợ (người vợ được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn), đặc biệt đối với con chung là bé gái, vì việc giao cho mẹ chăm sóc bé gái sẽ thuận lợi hơn trong quá trình phát triển tâm sinh lý sau này. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có trường hợp Hội đồng xét xử quyết định giao quyền nuôi con chung là bé gái cho cha nuôi dưỡng, chăm sóc như trường hợp vụ án trên.

Theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Do đó, khi xét xử các vụ án ly hôn có tranh chấp về nuôi con chung, tùy từng trường hợp, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc quyết định giao con chung cho người nuôi dưỡng trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, tránh làm xáo trộn môi trường sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý phát triển bình thường của trẻ sau này.

Trường hợp 1: Tranh chấp quyền nuôi con khi hai vợ chồng chỉ có một con chung duy nhất. Đây là một trong những vấn đề khá phổ biến trong xã hội hiện đại ngày nay. Vậy các bên cần làm gì để giành quyền nuôi con? Tòa án phán quyết quyền nuôi con dựa trên những tiêu chí nào?

Khi chỉ có một con chung, điều đầu tiên chúng ta cần xem xét là độ tuổi của con.

- Con dưới 36 tháng tuổi thì quyền nuôi con thuộc về Mẹ (Khoản 3, điều 81, Luật Hôn nhân gia đình);
- Con trên từ 3 đến 7 tuổi quyền nuôi con của hai cha mẹ là ngang nhau;
- Con trên 07 tuổi thì tòa án phải xem xét nguyện vọng của con muốn ở với ai để là căn cứ xem xét về quyền nuôi con.

Trên thực tiễn của cuộc sống và quá trình tố tụng với vai trò là một luật sư nhiều năm tham gia giải quyết các vụ án hôn nhân gia đình. Tôi nhận thấy rằng “việc xem xét nguyện vọng của con trên 07 tuổi tại tòa án” thường ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của trẻ, quan điểm của trẻ thường xuyên thay đổi (hôm nay nói ở với bố, ngày mai nói ở với Mẹ). Với trường hợp này, Cha Mẹ nên thấu hiểu và hướng dẫn con viết đơn nêu rõ nguyện vọng của mình để gửi tòa án (cha mẹ ký xác nhận chữ ký cho con dưới đơn) để cung cấp các thông tin pháp lý cần thiết cho tòa án và tranh ảnh hưởng tâm lý cho trẻ.

Điều kiện về kinh tế của Cha, Mẹ, như:

- Nơi ở sau khi ly hôn (Đi thuê, ở chung bố mẹ chồng, có nhà riêng ...)
- Thu nhập thường xuyên (thu nhập không thường xuyên)
- Công việc làm ổn định;

Điều kiện giáo dục của Cha, Mẹ khả năng chăm sóc, phát triển hình thành nhân cách tốt cho trẻ (Điều kiện giáo dục) của Cha, Mẹ:

- Trình độ văn hóa;
- Tính chất công việc (VD: Một giáo viên có thời gian chăm sóc và giáo dục con nhiều hơn một kỹ sư công trình...);

- Lỗi sống.

Trường hợp 2: Có nhiều con chung nhưng một bên muốn giành hết quyền nuôi con khi cho rằng bên kia không đủ khả năng kinh tế, hoặc lỗi sống không phù hợp với sự phát triển và hình thành nhân cách của con. Trong trường hợp này ngoài các yếu tố về độ tuổi, điều kiện kinh tế, điều kiện giáo dục thì bên giành quyền nuôi con cần chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể cho tòa án thấy rằng việc giao con cho người vợ/hoặc người chồng sẽ không tốt cho đứa trẻ. Quyền lợi của con sẽ là tốt nhất khi được giao cho mình nuôi.

Ví dụ:

- Bố có hành vi bạo hành gia đình, thường xuyên đánh đập mẹ và các con;
- Bố nghiện rượu, cờ bạc, nợ nần... (thậm trí là nghiện ma túy), thường xuyên giao du với các đối tượng xã hội;
- Mẹ có lỗi sống buông thả, nợ nần, cờ bạc....

Tòa án sẽ xem xét tổng thể các vấn đề pháp lý và thực tiễn để đưa ra phán quyết “Ai là người có quyền nuôi con” theo quy định của pháp luật.

Trường hợp 3: Con trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ nhưng người mẹ lại không đảm bảo điều kiện vật chất để chăm sóc nuôi dưỡng con

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Vợ chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nếu các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của người con. Tuy nhiên, trong thực tế nếu các bên không thỏa thuận được và đều có yêu cầu nuôi con, con chung đã đủ 07 tuổi nên xem xét nguyện vọng của con. Trường hợp, con mong muốn ở với mẹ nhưng xét về điều kiện vật chất không đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng con. Trong khi người cha có đầy đủ điều kiện thì lại trái

với nguyện vọng của con, nên khi giải quyết những trường hợp này vẫn còn lúng túng.

Trường hợp 4: Giành quyền nuôi con

Trên thực tế vì nhiều lý do, trong đó có lý do “cái tôi” của vợ hoặc chồng quá lớn, dù biết mình không đủ điều kiện nuôi dưỡng con theo quy định nhưng vẫn cố tranh chấp quyền nuôi con.

Cụ thể như trường hợp của chị H.H. (ngụ xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai), dù chị không có khả năng nuôi con (10 tuổi) khi ly hôn với chồng là anh B. nhưng chị vẫn quyết tâm giành cho bằng được quyền nuôi con. Trước Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, anh B. chấp nhận giao con cho chị nuôi dưỡng và chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng. Ly hôn được hơn 1 năm, chị H.H. lập gia đình nên muốn giao con lại cho anh B. Lúc này anh B. cũng chuẩn bị lấy vợ nên không đồng ý việc nhận nuôi con, dẫn đến giữa anh B. và chị H.H. lại xảy ra tranh chấp quyền nuôi con. Việc khởi kiện ra tòa để tranh chấp nuôi con trước và sau khi ly hôn là quyền của mỗi người vợ hoặc chồng. Tuy nhiên, vấn đề nhiều cặp vợ chồng khi ly hôn băn khoăn đó chính là việc tòa hỏi nguyện vọng của con chưa thành niên, từ đủ 7 tuổi trở lên. Ngay cả khi việc vợ chồng đồng thuận ly hôn và tự thỏa thuận việc nuôi con thì tòa vẫn xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên. Nhiều ý kiến cho rằng, việc này không cần thiết và lo lắng ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ.

Chị K.L. (ngụ xã Phú An, huyện Tân Phú) chia sẻ, lý do khiến chị không đưa con đến tòa để làm việc vì sợ con bị tổn thương, ảnh hưởng xấu đến tâm lý của con sau này. Vì chị đã nhiều lần hỏi con thì con trả lời không nhất quán, lúc thì muốn ở với cha, lúc thì muốn ở với mẹ, thậm chí muốn ở với cả cha và mẹ. Khi bị mẹ nhiều lần gặng hỏi cháu đã òa khóc nức nở, từ đó tính tình cháu thường hay nóng giận khiến chị lo lắng.

2.2.2 Vấn đề giải quyết mức cấp dưỡng cho con cái sau khi cha mẹ ly hôn

2.2.2.1 Về căn cứ xác định mức cấp dưỡng nuôi con

Trong các vụ án ly hôn mà Tòa án thụ lý giải quyết hiện nay, hầu như đương sự chỉ tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Chẳng hạn như một bên đương sự yêu cầu được quyền nuôi con sẽ yêu cầu bên còn lại có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với một số tiền cụ thể hoặc chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bên không trực tiếp nuôi con sẽ có ý kiến không đồng ý cấp dưỡng hoặc chỉ đồng ý mức cấp dưỡng thấp hơn yêu cầu của bên kia hoặc có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong những trường hợp như vậy, Tòa án phải xem xét để quyết định mức cấp dưỡng.

Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì khi quyết định mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án phải căn cứ vào hai yếu tố đó là việc cấp dưỡng phải đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể thế nào là “thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng” và “nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng” theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trước đây, theo khoản 1 Điều 16 Nghị định 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Nghị định 70/2001/NĐ-CP) thì “khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là người có thu nhập thường xuyên hoặc tuy không có thu nhập thường xuyên nhưng còn tài sản sau khi đã trừ đi chi phí thông thường cần thiết cho cuộc sống của người đó”. Còn theo khoản 2 Điều 16 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP thì: “Nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng được xác định căn cứ vào mức sinh hoạt trung bình tại địa phương nơi người được cấp dưỡng cư trú, bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để bảo đảm cuộc sống của người được cấp dưỡng”.

Tuy nhiên, với những quy định như vậy, rất khó để Tòa án có thể tính toán được thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cũng như tính toán nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Từ vướng mắc trong thực tiễn như vậy, Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia

định năm 2000 được ban hành và có hướng dẫn như sau: “Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thoả thuận. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý”.

Thực tiễn giải quyết tại các Tòa án trước đây và hiện tại thường vận dụng quy định tại khoản 2, phần III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của TANDTC, cụ thể là “Toà án phải xem xét đến khả năng kinh tế nói chung và thu nhập nói riêng của người phải đóng góp phí tổn cũng như khả năng kinh tế nói chung và thu nhập nói riêng của người nuôi dưỡng con. Trong đó mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con” để làm căn cứ giải quyết.

Tuy nhiên, hiện nay cũng có quan điểm cho rằng các hướng dẫn tại Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của TANDTC và Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC không còn hiệu lực thi hành và không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Cho nên Tòa án căn cứ vào hướng dẫn của các văn bản này để quyết định mức cấp dưỡng thông thường là bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở là không đúng quy định pháp luật. Điều này dẫn đến thực tế là mức cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án không đáp ứng được chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng con chưa thành niên. Tuy nhiên, cũng có quan điểm cho rằng do hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể của TANDTC nên xác định mức cấp dưỡng nên Tòa án cần vận dụng tinh thần của các văn bản trước đây mà cụ thể là Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của TANDTC và Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để xem xét giải quyết về mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2.2.2 Về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chỉ quy định về thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng tại Điều 114 mà không quy định thời điểm vợ hoặc chồng thực

hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn là từ lúc nào. Dẫn đến hiện nay trong thực tiễn có nhiều quan điểm khác nhau về thời điểm thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Có quan điểm cho rằng mặc dù chưa có quy định cụ thể trường hợp vợ chồng ly hôn có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ lúc nào, tuy nhiên theo khoản 1 Điều 482 của BLTTDS năm 2015 thì “Những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị: a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng,...”. Từ quy định này có thể hiểu nghĩa vụ cấp dưỡng phải được thực hiện ngay khi Tòa án ban hành bản án hoặc quyết định về cấp dưỡng. Vì vậy, khi ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự hoặc ra bản án thì Tòa án cần thiết phải ghi rõ thời điểm cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành hoặc tính từ ngày tuyên án.

Tuy nhiên, cũng còn có quan điểm cho rằng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chỉ có quy định về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con do vợ chồng thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì pháp luật không có quy định thời điểm vợ hoặc chồng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn từ lúc nào nên Tòa án không cần phải ghi thời điểm vợ hoặc chồng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào quyết định, bản án của Tòa án. Cho nên thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày vợ hoặc chồng gửi đơn yêu cầu thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự để yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

2.2.2.3 Về nghĩa vụ của cha, mẹ khi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

Thực tiễn cho thấy không phải trường hợp nào cha, mẹ là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cũng thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như thỏa thuận tại Tòa hoặc theo quyết định của Tòa án. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chính người con. Nhưng nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà chậm thực

hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì có phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ không vẫn còn quan điểm khác nhau.

Có trường hợp Tòa án buộc người chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng có trường hợp thì không. Theo quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần.”. Còn theo quy định tại điều 282 Bộ luật Dân sự 2015 thì: “Nghĩa vụ được thực hiện theo định kỳ theo thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ.”. Như vậy, về bản chất chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (bằng tiền) cũng có tính chất như chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên theo quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015 thì người chậm thực người chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều này sẽ hạn chế người có nghĩa vụ cấp dưỡng cố tình chậm trễ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng trong giai đoạn thi hành án.

Qua đây, ta thấy rằng: Việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn còn nhiều hạn chế:

Khi giải quyết cho ly hôn, tòa án phải giải quyết các vấn đề về tình cảm, tài sản và con cái theo các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng sau khi ly hôn trên thực tế đang còn nhiều khó khăn, bất cập. Thực tiễn cho thấy, khoản tiền cấp dưỡng sau khi ly hôn nhiều khi là “*nợ khó đòi*” đối với cả cơ quan thi hành án và phía bên kia. Cả trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng thực hiện việc cấp dưỡng theo đúng quy định của bản án mà tòa án đã tuyên thì cũng chưa đáp ứng được “*nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*”.

Ví dụ” Anh Minh và chị Tú được TAND quận ở thành phố Hà Nội xử cho ly hôn, bản án tòa tuyên chị Tú được nuôi con; cháu Hiền lúc đó 4 tuổi và buộc anh Minh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 300.000 đôn từ tháng 4/2001 đến khi cháu Hiền tròn 18 tuổi.

Như vậy, quy định của tòa án về mức cấp dưỡng là căn cứ vào mức thu nhập, giá cả thị trường tại thời điểm xét xử vụ án. Tòa án cần giải thích cho các đương sự hiểu về việc họ có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ để phù hợp hơn với thực tế.

Đó là chưa kể những trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; cơ quan thi hành án và cơ quan, tổ chức trả tiền lương, tiền công lao động cho người có nghĩa vụ cấp dưỡng không có nghĩa vụ cấp dưỡng không thực hiện việc khấu trừ khoản cấp dưỡng để chuyển trả cho người được cấp dưỡng. Có nhiều trường hợp cũng phải đến “*năm lần bảy lượt*” gặp người có nghĩa vụ cấp dưỡng thuyết phục vận động, nhờ thủ trưởng cơ quan can thiệp theo như Điều 20 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP thì mới “*đòi*” được tiền cấp dưỡng. Hầu như rất ít các cơ quan tổ chức thực hiện khoản 3 điều 20 nghị định số 70/2001/NĐ-CP. Họ từ chối phối hợp với cơ quan tư pháp và né tránh việc khấu trừ lương theo như quy định vì ngại va chạm, cho rằng đó không phải là nghĩa vụ của họ. Hơn nữa, nếu thời điểm vợ chồng ly hôn mà con còn nhỏ tuổi, điều này đồng nghĩa với việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kéo dài có khi hơn chục năm, với hàng loạt những biến đổi của thị trường giá cả. Do vậy, mỗi lần người trực tiếp nuôi con muốn thay đổi mức cấp dưỡng lại phải làm đơn yêu cầu tòa án công nhận thay đổi mức cấp dưỡng. Theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2012, muốn thay đổi mức cấp dưỡng thì người yêu cầu phải có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Chính thủ tục này đã làm cho công tác THA về cấp dưỡng càng mất nhiều thời gian, công sức hơn.

Do các quy định về cấp dưỡng còn chung chung, chưa cụ thể về mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên nhiều trường hợp các bên đã tự thỏa thuận một mức cấp dưỡng quá thấp, không đảm bảo được quyền lợi cho trẻ. Trong trường hợp mức cấp dưỡng là do tòa án quyết định thì tòa án căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng trường hợp ly hôn mà phán quyết mức cấp dưỡng. Tuy nhiên, chính vì chỉ tùy vào “*khả năng thực tế*” của người có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi trường hợp ly hôn mỗi nơi một kiểu.

Về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, tại điều 20 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP quy định: *“Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì thời điểm đó được tính từ ngày ghi trong bản án, quyết định của tòa án”*. Nhưng luật chưa quy định một căn cứ chung nào để các tòa án dựa vào đó xác định thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, trên thực tế việc quyết định thời điểm này nhiều khi xuất phát từ ý chí chủ quan của các tòa án, gây ra tình trạng không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật ở các địa phương. Có tòa cho rằng nghĩa vụ cấp dưỡng phát sinh từ khi bản án có hiệu lực, có tòa lại cho rằng nghĩa vụ đó phát sinh từ khi người không trực tiếp nuôi con không thực hiện việc đóng góp nuôi con khi hôn nhân còn tồn tại. Vì vậy, quyền lợi của trẻ nhiều khi cũng không được đảm bảo một cách đầy đủ, chính xác.

Sau khi ly hôn, đa số các bậc làm cha, làm mẹ đều tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con mình. Mặc dù vậy, trên thực tế vẫn còn không ít những trường hợp cha, mẹ cố tình chây ỳ, không chịu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được quyết định trong bản án của tòa, buộc cơ quan thi hành án phải vào cuộc. Cơ quan thi hành án đã làm hết trách nhiệm của mình nhưng kết quả vẫn chỉ là những món nợ khó đòi. Hơn nữa, cơ quan thi hành án hiện nay đang còn thiếu lực lượng, phương tiện, kinh phí... hoặc cán bộ thi hành án thiếu năng lực, phẩm chất nghề nghiệp cũng gây ra những khó khăn nhất định trong công tác thi hành án cấp dưỡng nuôi con.

Chưa có quy định hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về mức cấp dưỡng, mức cấp dưỡng bằng 01 tháng hoặc ½ tháng mức lương cơ sở không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng sinh sống tại nơi đô thị.

Đối với cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng có thể thỏa thuận giữa người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người có nghĩa vụ chăm nom, nuôi dưỡng con căn cứ vào thu nhập, khả năng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, trong trường hợp các bên

không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì Tòa án sẽ quyết định. Tuy nhiên, chưa có văn bản nào hướng dẫn nếu các bên không thỏa thuận được thì quy định mức cấp dưỡng cụ thể như thế nào. Bởi, nếu căn cứ khả năng, mức thu nhập của từng chủ thể có nghĩa vụ cấp dưỡng có thể khác nhau, có người thu nhập cao có người thu nhập thấp; nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng cũng khác nhau tùy vào điều kiện, hoàn cảnh sinh sống. Hiện nay, do chưa có quy định hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về mức cấp dưỡng nên có trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng có mức thu nhập cao nhưng Tòa án cũng chỉ quyết định mức cấp dưỡng bằng 01 tháng hoặc $\frac{1}{2}$ tháng mức lương cơ sở thì có khi không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng sinh sống tại nơi đô thị.

Hoặc, trong quá trình giải quyết vụ án do sự thỏa thuận của các đương sự nên một số vụ án tòa tuyên giao con cho một bên và bên còn lại không có nghĩa vụ cấp dưỡng theo đúng thỏa thuận. Việc tuyên như vậy đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của trẻ trong vụ án vì nghĩa vụ cấp dưỡng chủ yếu là để đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần cho trẻ. Việc này đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em trong các vụ án ly hôn.

2.2.3 Vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định tại Điều 84, luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì:

Khi phân chia quyền trực tiếp nuôi con, đầu tiên Tòa án dựa vào nguyên tắc thỏa thuận giữa cha và mẹ của người con để quyết định ai sẽ là người được nuôi con. Vì vậy, cha, mẹ có thể thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau đối với con sau khi yêu cầu Tòa án chấm dứt quan hệ vợ chồng hay quan hệ chung sống như vợ chồng.

Ngoài ra, trong trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ dựa vào quyền lợi của con để quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc quyết định ai có quyền nuôi con khi ly hôn ngoài những điều kiện nêu trên còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như: chỗ ở, thu nhập, thời gian chăm sóc con... của mỗi bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Vậy nên, người muốn trực tiếp nuôi con phải chứng minh được trước Tòa án về bản thân sẽ

cung cấp môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển của con và có đủ các điều kiện đảm bảo cả về kinh tế lẫn tinh thần đáp ứng cho yêu cầu phát triển bình thường của người con để người con có cuộc sống ổn định và phát triển hơn bên không được nuôi con. Để có cơ hội được nuôi con, một trong hai người có thể cung cấp thêm các chứng cứ chứng minh người còn lại không đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi dạy con cái, thường xuyên có hành vi bạo lực, thu nhập không ổn định...

Theo Điều 82 [Luật Hôn nhân gia đình](#) 2014, nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thì người trực tiếp nuôi dưỡng không có quyền cản trở người không trực tiếp nuôi dưỡng thăm nom con, cũng như ngược lại người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên còn lại. Hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình cha, mẹ và con được xem là một trong những hành vi bạo lực gia đình.

Tuy nhiên cũng có trường hợp xảy ra đó là **người trực tiếp nuôi con cố tình không tạo điều kiện cho người không trực tiếp nuôi con được gặp mặt, thăm nom, giáo dục con.**

Về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì trên thực tế có những vụ người trực tiếp nuôi con cố tình không tạo điều kiện cho người không trực tiếp nuôi con được gặp mặt, thăm nom, giáo dục con. Làm cho người không trực tiếp nuôi con không có cách nào để gặp được mặt con vì thế họ đành phải có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chỉ được xem xét khi có các căn cứ sau: “Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”. Nhưng trong trường hợp này thì người trực tiếp nuôi con không vi phạm những căn cứ theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Như vậy, lại vô tình

làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này, đồng thời cũng làm ảnh hưởng đến tâm lý của con vì không gặp được mặt của bố hoặc mẹ.

2.3. Nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc trong giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

2.3.1 Về căn cứ pháp lý và quy định của pháp luật

Khoản 2, Điều 81, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định, vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Tại Khoản 3, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cũng quy định, đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên.

Vấn đề quan trọng trong các vụ án tranh chấp quyền nuôi con của cặp vợ chồng ly hôn là việc thẩm phán phải trực tiếp lấy ý kiến nguyện vọng của trẻ chưa thành niên làm sao bảo đảm được tính khách quan của vụ án, phương pháp lấy ý kiến phải bảo đảm thân thiện với trẻ em; tránh trường hợp lấy ý kiến của trẻ thông qua các bản tự khai là chưa đảm bảo tính khách quan. Bởi các bản tự khai này có thể có sự chi phối của cha, mẹ và người thân trong gia đình làm ảnh hưởng đến ý chí cũng như nguyện vọng chính đáng của trẻ, dẫn đến sai sót khi quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại Hội nghị toàn quốc sơ kết 3 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 do Bộ Tư pháp tổ chức trong năm 2019, đại diện Tòa án nhân dân tối cao cũng cho rằng, việc vợ chồng đồng thuận ly hôn và tự thỏa thuận việc nuôi con thì quy định phải xem xét nguyện vọng của con trên 7 tuổi là không cần thiết. Vì theo công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 5-1-2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ, quy định phải xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên chỉ là một trong những yếu tố tòa án phải xem xét trong quá trình giải

quyết vụ án, không phải là căn cứ để tòa án quyết định sẽ giao con chung cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong thực tế đối với các vụ án hôn nhân và gia đình có liên quan đến người chưa thành niên, theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định, việc thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp phải thực hiện thông qua tham khảo ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về công tác gia đình tại địa phương, UBND cấp xã nơi vợ chồng chung sống, nơi con chưa thành niên cư trú.

Việc làm này sẽ mang tính hình thức bởi các cơ quan rất khó nắm được cụ thể chuyện cá nhân của từng gia đình nên khó đảm bảo tính xác thực để sử dụng làm căn cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, đây cũng là một trong những quy định cần được cụ thể hơn để tăng tính khả thi trong thực hiện pháp luật về dân sự và hôn nhân, gia đình trong thời gian tới.

2.3.2 Về việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn khi giải quyết các vấn đề liên quan đến tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

Thứ nhất, Việc giao con cho ai nuôi chưa được nhìn nhận một cách toàn diện.

Trên thực tế, trong các vụ việc ly hôn, người mẹ thường giành được quyền trực tiếp nuôi con với quan niệm mẹ thường là người quan tâm, chăm sóc, gần gũi với con hơn người cha. Điều đó nhiều khi đã trở thành một “tập quán” định hình trong việc giao con cho ai nuôi: tòa án thường nghiêng về phía người mẹ. Khi có tranh chấp về quyền nuôi con, một số thẩm phán đã động lòng trước sự khóc lóc, van nài của người mẹ mà không tin hiểu thực tế rằng người cha có điều kiện và thực hiện việc nuôi dưỡng con tốt hơn người mẹ. Chính ảnh hưởng của quan niệm người mẹ có khả năng chăm sóc con tốt hơn đã dẫn đến quyết định sai lầm của tòa án.

Một số thẩm phán đã áp dụng pháp luật một cách cứng nhắc, nhằm lẫn giữa việc chăm sóc con tốt nhất với khả năng kinh tế và nghề nghiệp của cha mẹ. Quyền lợi của người con cũng không được đảm bảo bởi vì nếu có khả năng kinh tế, có nghề nghiệp ổn định nhưng không có đạo đức tốt, lối sống tốt thì sự phát triển về nhân cách của người con sẽ bị ảnh hưởng xấu.

Thứ hai, Con dưới 36 tháng tuổi (tức dưới 3 tuổi) là một trường hợp trong các tranh chấp về nuôi con sau ly hôn nói chung. Về nguyên tắc, đối với tranh chấp nuôi con nói chung, các đương sự có thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và thỏa thuận này được Tòa án ghi nhận trong Bản án. Nếu các đương sự không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì Tòa án sẽ căn cứ vào các quy định của Luật HN&GD và các văn bản liên quan để ra quyết định. Tuy nhiên, với con dưới 36 tháng tuổi, thì mặc định, chỉ có mẹ được phép nuôi. Vấn đề này đã được quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình 2014: Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn 3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Bên cạnh đó, trong trường hợp con chưa đến 12 tháng tuổi, thì còn cấm người cha được phép ly hôn. Điều này đã được quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân & Gia đình 2014: Điều 51. Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn 3. Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Như vậy, về phía Tòa án, sẽ căn cứ vào độ tuổi để giải quyết tranh chấp nuôi con, với con dưới 36 tháng tuổi: được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Trong khi đó, về phía người cha, thì đối với trường hợp con dưới 12 tháng tuổi sẽ không được phép ly hôn với vợ, kể cả trong trường hợp đứa con đó không phải con ruột (do vợ ngoại tình) đi chăng nữa. Khi con lớn hơn nhưng vẫn dưới 36 tháng tuổi, thì người cha vẫn không được tự quyết định quyền nuôi con, và nếu người mẹ không đủ điều kiện nuôi con thì người cha có thể yêu cầu tòa án được giành quyền nuôi con. Trong trường hợp này người cha vừa phải chứng minh được người mẹ không đủ điều kiện nuôi con còn vừa phải chứng minh được khả năng nuôi con của mình. 022 Thực tiễn áp dụng luật giải quyết tranh chấp quyền nuôi con khi cha mẹ ly hôn trong trường hợp. Một trường hợp là cả cha và mẹ đều không đủ điều kiện nuôi con thì trách nhiệm nuôi con sẽ thuộc về người giám hộ, được quy

định tại Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình 2014: Điều 84. Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn 4. Trong trường hợp xét thấy cả cha và mẹ đều không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự

Thứ ba, Con trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ nhưng người mẹ lại không đảm bảo điều kiện vật chất để chăm sóc nuôi dưỡng con

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Vợ chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nếu các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của người con. Tuy nhiên, trong thực tế nếu các bên không thỏa thuận được và đều có yêu cầu nuôi con, con chung đã đủ 07 tuổi nên xem xét nguyện vọng của con. Trường hợp, con mong muốn ở với mẹ nhưng xét về điều kiện vật chất không đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng con. Trong khi người cha có đầy đủ điều kiện thì lại trái với nguyện vọng của con, nên khi giải quyết những trường hợp này vẫn còn lúng túng.

2.3.3 Về nhận thức và hiểu biết của người dân về pháp luật hiện hành.

Một sai lầm trong các hiểu và cách nghĩ của đa số cha mẹ đó là: Việc nuôi và chăm sóc con cái là NGHĨA VỤ của Cha mẹ mà không phải là QUYỀN, nếu xét theo khía cạnh về Quyền thì có chăng chỉ có một chút đó là QUYỀN ĐƯỢC TRỰC TIẾP chăm sóc và nuôi dưỡng con mà thôi. Tuy nhiên, điều này xuất phát từ thực tế đó là:

– Về tâm lý chủ quan, một người cha hoặc mẹ nếu không được trực tiếp nuôi con, giáo dục con, chăm sóc hàng ngày họ sẽ có cảm giác hụt hẫng, như thể là mất đi đứa con yêu quý của mình cho dù về mặt pháp lý họ vẫn được quyền thăm con mà người nuôi dưỡng không được quyền ngăn cấm.

– Người trực tiếp nuôi dưỡng con cái sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến tính cách, nhận thức của con. Trên thực tế, tính cách, nhận thức và đạo đức của Con bị ảnh hưởng rất nhiều yếu tố từ gia đình, nhà trường, bạn bè và xã hội nhưng điều có sức ảnh hưởng lớn nhất xuất phát từ Người trực tiếp nuôi dưỡng con.

– Theo phong tục tập quán và văn hóa người Việt: Theo đó trong một gia đình, người con trai thường được giao nghĩa vụ thờ cùng ông bà tổ tiên, vì vậy đối với những trường hợp vợ chồng chỉ có một con là con trai thì người cha và gia đình nội thường có xu hướng giành quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con.

– Người mẹ, là người mang nặng đẻ đau, là người chăm sóc gần gũi con nên nếu phải xa con thì đa số không ai có thể chấp nhận cho dù họ xét về các điều kiện kinh tế, thu nhập, chỗ ở là không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con một cách tốt nhất.

– Và có một nguyên nhân nữa đó là: Nhiều bậc cha mẹ muốn dùng sử dụng việc tranh chấp quyền nuôi con làm cái cớ để thỏa thuận các vấn đề khác khi ly hôn như phân chia tài sản, nghĩa vụ trả nợ hoặc đôi khi việc giành quyền nuôi con chỉ để thỏa mãn cái tôi cá nhân của Cha hoặc Mẹ nhằm thể hiện uy tín hoặc mong sự nể trọng của mọi người. Nhưng thực tế, có người không có điều kiện về thời gian để trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng vì họ quá bận với các công việc, hoặc do tâm lý hậu ly hôn họ thường tỏ ra chán nản, bẽ bề nên không thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trong trường hợp này người con là người phải chịu nhiều thiệt thòi nhất.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã đề cập đến thực trạng của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn, đưa ra các ưu và nhược điểm đã thực hiện được và chưa thực hiện được trong quá trình giải quyết tranh chấp. Từ đó đưa ra một số nguyên nhân dẫn đến việc vẫn còn xảy ra những bất cập trong khâu giải quyết vụ việc.

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT
TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN NUÔI CON
SAU KHI CHA MẸ LY HÔN****3.1. Hoàn thiện các quy định về quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn***3.1.1 Về phía Nhà nước, cần:*

Một, các cơ quan lập pháp cần nhanh chóng bổ sung, hoàn thiện và hướng dẫn những bất cập trong các quy định của pháp luật về HN&GD nói chung và các quy định về giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn để tháo gỡ những khó khăn về mặt pháp lý cho các cán bộ Tòa án trong quá trình áp dụng pháp luật.

Hai, tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về HN&GD cho người dân để họ có ý thức riêng về việc xây dựng một đời sống gia đình văn hoá, tuân thủ pháp luật, tuyên truyền, xoá bỏ những hủ tục, những phong tục, tập quán lạc hậu về vấn đề ly hôn nói chung và giải quyết vấn đề con chung khi vợ chồng ly hôn nói riêng ở một số vùng đồng bào dân tộc ít người. Từ đó hạn chế những tranh chấp nảy sinh liên quan tới vấn đề con chung khi ly hôn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đặc biệt là của người vợ và con chưa thành niên.

Ba, TAND các cấp quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức giữ chức danh tư pháp bằng cách tổ chức tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Hội thẩm nhân dân của tỉnh.

Bốn, cơ quan có thẩm quyền tăng cường kiểm tra các bản án, quyết định của TAND tỉnh, đồng thời chú trọng công tác kiểm tra định kỳ và công tác tự kiểm tra của từng đơn vị để kịp thời phát hiện, khắc phục, rút kinh nghiệm về những sai sót nghiệp vụ trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án.

Năm, cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc công khai bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của TAND tối cao theo quy định và hướng dẫn đã có của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bởi, việc công khai bản án là biện pháp hiệu quả để

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Tòa án, đặc biệt là Thẩm phán, góp phần ngăn ngừa, hạn chế các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực trong công tác xét xử, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Hơn thế, mã hoá bản án đăng trên cổng thông tin là một hình thức tiếp cận hiệu quả tới người dân.

Sáu, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh cần tích cực phối hợp chặt chẽ với Tòa án trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, giám định, xác minh,... để góp phần nâng cao chất lượng công tác xét xử của cơ quan Tòa án nói chung và giải quyết vấn đề con chung khi vợ chồng ly hôn nói riêng.

Bảy, Đối với hoạt động xét xử của tòa án các cấp: Cán bộ tòa án cần nhận thức đúng tinh thần của Luật hôn nhân và gia đình trong việc giải quyết ly hôn, trong đó bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Trong quá trình giải quyết, cán bộ tòa án phải có tinh thần trách nhiệm cao, đặc biệt phải tôn trọng các quyền cơ bản của trẻ em theo quy định của Công ước về quyền trẻ em và các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam.

3.1.2 Về phía cha mẹ nói riêng và người dân nói chung

Khi cha mẹ ly hôn cần ý thức được rằng con cái mình sẽ là những người chịu thiệt thòi nhiều nhất. Do đó, cha mẹ cần có một thái độ đúng mực đối với con, phải biết bỏ qua những ích kỉ cá nhân để bảo vệ quyền, lợi ích của con. Hơn nữa, bên cạnh việc bổ sung, sửa đổi các quy định của pháp luật, Nhà nước cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục cho người dân về quyền và nghĩa vụ của họ đối với con khi ly hôn, để người cha, người mẹ tự nguyện thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con khi cha mẹ ly hôn.

Đồng thời cũng cần phải nâng cao ý thức, thái độ của những người thân trong gia đình như ông, bà, cô, dì, chú, bác, anh, chị, em để tòa án giải quyết được nhanh hơn; khi lấy lời khai của những người thân trong gia đình thì họ cần phải khai báo đúng, đủ và chính xác, không được vì tình riêng mà khai báo sai sự thật hoặc giả tạo.

Ngoài ra, để thực hiện nghĩa vụ đã được nêu trong bản án, quyết định thì cưỡng chế là giải pháp cuối cùng, nhưng quan trọng nhất vẫn là ý thức tự giác của người có nghĩa vụ. Ý thức còn đặc biệt quan trọng trong trường hợp các biện pháp cưỡng chế cũng không thể đạt được mục đích của việc thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, công tác giáo dục ý thức pháp luật, lối sống có trách nhiệm không phải chờ đến khi ra tòa xét xử mới thực hiện mà cần thực hiện ngay đối với mọi người đặc biệt là thế hệ trẻ. Để thực hiện được việc này, pháp luật nói chung và pháp luật hôn nhân và gia đình nói riêng cần được tuyên truyền, phổ biến qua các phương tiện thông tin đại chúng nhiều hơn, đặc biệt ở những nơi mà trình độ dân trí còn thấp. Nên có những chương trình phát thanh, truyền hình, sách báo có nội dung pháp luật dễ hiểu, cụ thể, đưa ra các trường hợp thực tế để từ đó tạo được sự quan tâm của mọi người. Qua đó, sự hiểu biết sẽ tăng lên và cũng đồng nghĩa với việc ý thức được nâng cao.

Trong việc nuôi con mà bố mẹ không thể tự đàm phán trên tinh thần tự nguyện tuân thủ theo bản án có hiệu lực, việc tự nguyện của mỗi bên đó là trách nhiệm chung, đảm bảo quyền và lợi ích cho con khi chưa đủ tuổi trưởng thành đó là vấn đề cần được bố hoặc mẹ coi trọng. Không những đảm bảo về giá trị pháp luật đó cũng là trách nhiệm chung trong việc giáo dục dạy dỗ cho các con. Dù về vật chất cũng như tinh thần, khi các con còn bé đó là sự thiệt thòi mà nguyên nhân xuất phát từ phía cha mẹ.

Trong trường hợp bố và mẹ không thể giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cái, thì chúng ta phải giải quyết bằng con đường pháp lý. Bố hoặc mẹ có thể gửi đơn yêu cầu thi hành án đề nghị thi hành án theo bản án. Hoặc tốt nhất tìm tới Văn phòng luật sư uy tín để ủy quyền cho Luật sư được tư vấn luật và hướng dẫn các thủ tục pháp lý theo luật định.

Mỗi người dân đều cần chủ động trau dồi kiến thức pháp luật, kịp thời cập nhập những thay đổi trong quá trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn thiện pháp luật. Đồng thời, mỗi công dân cần tự ý thức rõ được vai trò, quyền lợi, cũng như nghĩa vụ của mình trong mối quan hệ với gia đình, anh em họ hàng. Trong

trường hợp sinh sống tại địa phương nơi còn tồn tại những phong tục cổ hủ, lạc hậu, mỗi người dân cần tự ý thức được quan niệm nào là đúng/sai, đồng thời vận động người thân từ bỏ những hủ tục lạc hậu đó, góp phần nâng cao đời sống trong cộng đồng.

Cần hoàn thiện một số thuật ngữ liên quan đến giải quyết vấn đề con chung khi vợ chồng ly hôn. Theo đó, một số thuật ngữ cần được quy định cụ thể bao gồm: “*không có khả năng lao động*” và “*không có tài sản để tự nuôi mình*”. Những cụm từ phải được hiểu một cách chính xác hơn có nghĩa là “*không có khả năng lao động*” là việc một người bị hạn chế về sức khỏe và độ tuổi làm hạn chế hoặc mất khả năng lao động, gây ảnh hưởng đến thu nhập của bản thân hoặc là người gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm tạo thu nhập. “*Không có tài sản để tự nuôi mình*” là việc một người không có tài sản hoặc nếu có tài sản nhưng tài sản đó không thể khai thác để sinh lợi hoặc có thể khai thác nhưng giá trị rất nhỏ không đảm bảo nhu cầu sống thiết yếu của người đó.

3.2 Hoàn thiện quy định về cấp dưỡng nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn

Từ thực tiễn áp dụng pháp luật về cấp dưỡng, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể các vướng mắc sau:

Thứ nhất, cần quy định cấp dưỡng là nghĩa vụ bắt buộc kể cả trong trường hợp bên trực tiếp nuôi con từ chối. Quyền được cấp dưỡng là quyền lợi của con người nên trực tiếp nuôi dưỡng không có quyền từ chối vì như vậy là đi ngược lại lợi ích của con. Nghĩa vụ cấp dưỡng vừa là nghĩa vụ nhưng cũng vừa là quyền của người cấp dưỡng.

Thứ hai, để Tòa án quyết định mức cấp dưỡng nuôi con đảm bảo hài hòa hai yếu tố: thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng với nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng là rất khó khăn. Bởi vì trong nhiều trường hợp nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì lớn hơn thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng; nhiều trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng không có việc làm ổn định hoặc không có việc làm nên thu nhập của họ thấp và thậm chí là không đủ đáp ứng nhu cầu thiết yếu của chính bản thân họ. Chính vì

vậy mà nhiều trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Từ đó, quyết định về mức cấp dưỡng của Tòa án đôi khi không thực hiện được trên thực tế. Theo tác giả, mức cấp dưỡng đề Tòa án quyết định trong tình hình hiện nay là không thấp hơn $\frac{2}{3}$ mức lương cơ bản hoặc không được thấp hơn 30% mức thu nhập bình quân của người có nghĩa vụ cấp dưỡng trong 06 tháng liền kề.

Thứ ba, cần có hướng dẫn bản án, quyết định của Tòa án có quyết định về cấp dưỡng thì cần phải ghi thời điểm cấp dưỡng như sau: “Bản án, quyết định của Tòa án có quyết định về cấp dưỡng thì phải ghi thời điểm cấp dưỡng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành hoặc tính từ ngày tuyên án”.

Thứ tư, trường hợp đương sự không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng như thế nào.

“Trường hợp đương sự không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì Tòa án căn cứ vào thu nhập thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng mà quyết định mức cấp dưỡng nhưng mức cấp dưỡng không thấp hơn hoặc 01 tháng lương cơ bản hoặc không thấp hơn $\frac{1}{3}$ mức thu nhập bình quân trong 03 tháng liền kề với tháng mà Tòa án ra bản án hoặc quyết định của người có nghĩa vụ cấp dưỡng”.

Thứ năm, cần hướng dẫn người chậm thực người chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau: “Trong Bản án, quyết định của Tòa án có quyết định về cấp dưỡng thì phải buộc người chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”. Vừa đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của bên được cấp dưỡng và là sự răn đe đối với bên có nghĩa vụ cấp dưỡng mà lại cố tình không thực hiện nghĩa vụ.

Thứ sáu, hoàn thiện các quy định về vấn đề tạm ngừng cấp dưỡng. Cụ thể, nên quy định điều kiện được tạm ngừng cấp dưỡng là người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải lâm vào “*tình trạng khó khăn về kinh tế*”. Một người được coi là khó khăn về

kinh tế là người không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng mức thu nhập thấp và với mức thu nhập đó người có nghĩa vụ cấp dưỡng không thể lo cho cuộc sống của mình. Đồng thời, họ cũng không có tài sản giá trị hoặc có tài sản nhưng không thể sinh lời, hoặc có thể sinh lời nhưng vẫn không đủ cho nhu cầu sống thiết yếu của họ. Thậm chí họ có tài sản nhưng sau khi bán đi cũng không thể có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của mình. Ngoài ra, Luật HN&GD 2014 cần bổ sung thêm về thời điểm kết thúc tạm ngưng cấp dưỡng. Trường hợp đối tượng được cấp dưỡng là người chưa thành niên thì thời điểm kết thúc tạm ngưng cấp dưỡng phải trước thời điểm người được cấp dưỡng tròn 18 tuổi.

Thứ bảy, về cơ chế xử lý những trường hợp vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng. Trên thực tế vấn đề vi phạm về nghĩa vụ cấp dưỡng rất phổ biến, mặc dù đã có chế tài xử lý nhưng do chưa đủ nghiêm khắc và vấn đề xử lý hành vi vi phạm trên thực tế vẫn còn chưa kiên quyết. Theo quy định tại khoản 2 điều 12 nghị quyết số 87/2001/NĐ-CP: *“Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha mẹ, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật”*.

Còn điều 152 bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: *“Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mà cố ý từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà con vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”*. Chế tài trên của pháp luật còn quá nhẹ đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn. Do đó, vậy pháp luật cần có chế tài cụ thể, nghiêm khắc hơn, cũng như kiên quyết xử lý đối với những người có hành vi vi phạm vấn đề này.

Từ những bất cập trên có thể thấy, các quy định về cấp dưỡng vẫn còn rất chung chung, thiếu cụ thể. Điều này khiến cho tòa án khi phán xét chỉ còn biết căn

cứ vào điều kiện thực tế cụ thể của từng trường hợp. Nhưng cũng vì đó mà mức cấp dưỡng mỗi nơi mỗi khác nhau.

Mặc khác, việc thiếu các chế tài cứng rắn hơn để ràng buộc những người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ của mình cũng như cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác phải có nghĩa vụ hỗ trợ cơ quan tư pháp thực hiện cũng là một cản trở không nhỏ, biến việc cấp dưỡng nuôi con thực sự trở thành “món nợ khó đòi”.

3.3 Hoàn thiện các vấn đề liên quan đến thay đổi người trực tiếp nuôi con

Ta thấy rằng theo quy định của Pháp luật và việc thực thi các quy định đó vào thực tiễn, sau khi ly hôn, con sẽ được giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, người còn lại thì phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo thỏa thuận của cha, mẹ. Đồng thời, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ như sau:

- Người được giao trực tiếp nuôi con: Tạo điều kiện tốt nhất để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; tạo điều kiện và không được cản trở người kia thăm nom, chăm sóc... con.

- Người không trực tiếp nuôi con: Có nghĩa vụ cấp dưỡng, được thăm con mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng nêu rõ:

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Theo quy định này, có thể thấy, có 02 trường hợp người không trực tiếp nuôi con bị hạn chế quyền thăm con sau khi ly hôn:

- Lạm dụng việc thăm con để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người còn lại.

- Lạm dụng việc thăm con để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người còn lại.

Trong hai trường hợp này, người được giao nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người còn lại.

Cần quy định rõ những loại hành vi nào được cho là “cản trở” hoặc “gây ảnh hưởng xấu” đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con để áp dụng thống nhất trong thực tiễn giải quyết. Có thể quy định thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều luật hoặc ban hành văn bản hướng dẫn kèm theo. Bởi trong thực tiễn sẽ có rất nhiều trường hợp, người không trực tiếp nuôi con sẽ cố tình tạo ra những tình huống gây bất lợi cho người trực tiếp nuôi con: dùng những lời lẽ dục dõ, tiêm nhiễm vào đầu con trẻ những điều không tốt về người kia, dàn dựng những tình huống để người ngoài thấy rằng, người kia đang gây bất lợi, cản trở, không đáp ứng đủ điều kiện vật chất, tinh thần để nuôi con. Từ đó họ sẽ ghi lại hoặc chụp ảnh hoặc có thể nhờ người khác làm chứng, lấy đó làm bằng chứng để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ mang đến nhiều sự thay đổi đến đời sống của cha mẹ và con cái. Đối với cha hoặc mẹ, họ đã rất vất vả mới có thể dành được quyền nuôi con, họ quen với sự hiện diện của con trong đời sống hàng ngày, quen với việc về nhà sẽ có người bầu bạn nói chuyện, con cái chính là nguồn sống của họ. Nhưng chỉ vì sự ích kỷ của người còn lại, đã khiến họ phải xa con cái của mình một cách không mong muốn. Đối với con trẻ, môi trường sống có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự phát triển và hình thành nhân cách của trẻ. Việc thay đổi môi trường sống sẽ khiến cho chúng phải làm quen lại từ đầu, có những đứa trẻ hiếu chuyện sẽ thích nghi tốt với môi trường mới, tuy nhiên cũng có những đứa không chịu sống ở môi trường mới, việc ép chúng sống xa người mà chúng cảm thấy gần gũi sẽ khiến tính cách của trẻ thay đổi, khác hẳn với lúc trước.

3.4 Đưa ra các kế hoạch, chương trình tọa đàm giải quyết các vấn đề liên quan đến Hôn nhân và gia đình.

Cần tổ chức nhiều chương trình tọa đàm giải quyết các vấn đề liên quan đến Hôn nhân và gia đình, tập trung vào đối tượng là các cặp đôi trẻ mới kết hôn, hoặc đang chuẩn bị kết hôn để họ hiểu rõ được Hôn nhân và Kết hôn là điều trọng đại của mỗi người, thực tế sẽ có nhiều điều bất ngờ diễn ra hơn tưởng tượng của họ.

Một số tọa đàm đã được tổ chức phải kể đến như: “Tọa đàm Xây dựng hạnh phúc gia đình trong thời kỳ hiện đại”; “Tọa đàm Xây dựng gia đình trẻ no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”; “Tọa đàm Gia đình bình an – Xã hội hạnh phúc”; “Tọa đàm Giải pháp duy trì, giữ vững, xây dựng gia đình hạnh phúc, gia đình không bạo lực và bình đẳng giới”.....

Các cuộc tọa đàm nhằm mục đích chia sẻ những kinh nghiệm về xây dựng hạnh phúc gia đình trong thời kì hiện đại với các nội dung như: Thế nào là hạnh phúc gia đình; Những điều làm nên hạnh phúc gia đình; Giá trị gia đình đối với người Việt Nam; Những khoảng sáng và mảng tối của gia đình Việt Nam hiện đại; Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, vấn đề tiền bạc, của cải có quan trọng không; Hạnh phúc gia đình được đo bằng sự hài lòng của những thành viên trong gia đình về cuộc sống chung hiện tại; Lí thuyết về ngân hàng cảm xúc trong tình yêu, cuộc sống vợ chồng.

Các chuyên gia, diễn giả sẽ đưa ra những chia sẻ chân tình về những câu chuyện tình đẹp về tình yêu, hôn nhân và gia đình của các diễn giả; từ bất đồng quan điểm cho đến cái nhìn cảm mến rồi đến đồng điệu cảm xúc với nhau để đi đến hôn nhân; hay về những câu chuyện chia sẻ việc nhà, học tập, chăm sóc con giữa người chồng và vợ, làm sao để giữ hạnh phúc gia đình, dung hòa giữa cuộc sống hôn nhân và công việc, học tập; hoặc là những chia sẻ về bài học kinh nghiệm của các diễn giả về giai đoạn tìm hiểu nhau, yêu nhau và trải qua những sóng gió, trắc trở để đến được với nhau và bí huyết để giữ lửa hôn nhân lâu dài khi hai người đã đến được với nhau;....

Vì vậy các chương trình tọa đàm, các chương trình thực tế lấy bối cảnh về hôn nhân gia đình sẽ mang đến cho các cặp đôi cái nhìn tổng quan hơn về đời sống hôn nhân, họ sẽ thấy được những mặt tích cực và tiêu cực mà hôn nhân mang lại, nhờ đó sẽ chuẩn bị tâm lý vững vàng hơn, tìm ra được những các giải quyết cho các vấn đề đang gặp phải để giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Xây dựng hạnh phúc là mục tiêu hướng đến của mỗi gia đình. *Để giữ gìn hạnh phúc gia đình*, trước hết, mọi người phải ý thức được gia đình là rất quan trọng vì chỉ khi biết được tầm quan trọng của mái ấm gia đình thì mới biết nâng niu, gìn giữ. Nếu người ta nhận thức được hôn nhân quan trọng như thế nào thì chắc chắn trong cuộc sống vợ chồng dù có xô lệch, bất đồng, ắt sẽ cùng nhau tìm cách khắc phục.

Công tác truyền thông, giáo dục giúp mọi người nâng cao được nhận thức rằng, khi đã lập gia đình thì bên cạnh những niềm vui, niềm hạnh phúc còn gặp không ít những phiền phức, khó khăn. Lập gia đình là nghĩa vụ của cả một đời người nên phải có trách nhiệm đối với các thành viên trong gia đình, phải giáo dục nuôi dạy con cái nên người, trở thành một thành viên tốt của xã hội. Vì vậy, dù gặp phải những khó khăn, vất vả cũng phải cố gắng khắc phục, vượt qua để hoàn thành bổn phận của mình trong việc xây dựng gia đình yên ấm, hạnh phúc.

Cần phải rèn tư duy tích cực, luôn có cách nhìn nhận tích cực đối với mọi sự việc; có lòng vị tha và sự bao dung để giải quyết bất cứ cản trở nào đối với hạnh phúc gia đình.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 1 và chương 2 đã đề cập đến vấn đề lý luận và thực tiễn của việc giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn. Những quy định của pháp luật đa số là đều được áp dụng chính xác và cụ thể trong thực tiễn, tuy nhiên có nhiều quy định còn gây ra bất cập và chưa được thực thi một cách hiệu quả. Nguyên nhân của vấn đề này xuất phát từ nhiều phía và đã được em đã đề cập ở

chương 2. Chính những nguyên nhân đó đã làm tiền đề để em đưa ra một số giải pháp ở chương 3. Những giải pháp này mang tính chất cá nhân theo quan điểm, góc nhìn của em về vấn đề này. Em mong rằng các quy định về giải quyết tranh chấp quyền nuôi con sau khi ly hôn sẽ nhanh chóng được cải thiện và hợp lý hơn khi áp dụng vào thực tiễn.

KẾT LUẬN

Mối quan hệ giữa con cái với cha mẹ không chỉ được thể hiện trong các quy phạm đạo đức, tôn giáo, xã hội,... mà còn được điều chỉnh cụ thể trong pháp luật. Về nguyên tắc, con chung của vợ chồng được xác định thông qua quan hệ huyết thống. Điều này được quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 như sau Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

Quan hệ hôn nhân và gia đình là một quan hệ xã hội phức tạp vì có sự đan xen giữa yếu tố pháp lý và tình cảm. Trong đó, quan trọng nhất là yếu tố tình cảm. Khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Như vậy, quan hệ vợ chồng không tự nhiên chấm dứt, nếu muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng thì phải có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án. Đối với một vụ việc dân sự liên quan đến hôn nhân thường có 3 yêu cầu cần được giải quyết: Quan hệ hôn nhân, con cái và tài sản. Tương tự, khi có yêu cầu ly hôn, sẽ phát sinh 03 nhóm vấn đề: các bên có đồng ý ly hôn không, có tranh chấp gì về con cái, có tranh chấp về tài sản hay không. Nếu hai bên đều đồng ý ly hôn và không tranh chấp gì về con cái, tài sản chung thì yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Còn trong trường hợp có tranh chấp thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một bản án có hiệu lực.

Đặc thù riêng đối với con cái, sau khi ly hôn thì cha mẹ vẫn có những quyền và nghĩa vụ nhất định được quy định tại Điều 58 dẫn chiếu đến Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Trong đó tập trung xoay quanh nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con cái sau khi ly hôn xuất phát từ tầm quan trọng của gia đình trong việc chăm sóc các đối tượng yếu thế như trẻ em. Cụ thể, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

Việc tranh chấp quyền nuôi con sau khi ly hôn sẽ mang lại những hệ lụy không nhỏ đến cha mẹ và con cái của họ, đây là điều dễ dàng nhận thấy sau mỗi vụ việc ly hôn và giải quyết các vấn đề về con chung sau ly hôn. Điều đầu tiên mà chúng ta có thể nhận thấy được đó là những đứa con. Những đứa con dù ở lứa tuổi nào đi chăng nữa khi cha mẹ chia tay cũng đều tác động, ảnh hưởng đến cuộc sống, tâm lý của chúng. Mặc dù sau ly hôn thì bố mẹ vẫn có thể thăm nom nhưng trong chúng sẽ không còn cảm nhận được tình thương mà bố mẹ dành cho mình là trọn vẹn.

Đối với đa phần trẻ nhỏ, việc bố mẹ ly hôn là một bất hạnh không do mình quyết định mà các con gặp phải trong đời sống. Việc tranh chấp quyền nuôi con của một trong các bên thông thường là mong muốn giành tất cả những điều kiện tốt nhất cho con về mọi mặt từ vật chất đến tinh thần. Tuy nhiên, không ít trường hợp việc tranh chấp của một bên không nhằm mục đích đảm bảo quyền lợi cho con hoặc bản thân người bố/mẹ đó tự huyễn hoặc cho rằng mình có thể bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho con nhưng trên thực tế không phải thế. Việc tranh chấp quyền nuôi con của bố mẹ đôi khi vô tình lại làm tổn thương các con của chính mình mà bản thân có lẽ tại thời điểm đó họ cũng không hiểu được.

Vì vậy, khi đã quyết định bước vào cuộc sống hôn nhân, chúng ta cần cân nhắc kỹ lưỡng và xem xét mọi vấn đề có thể xảy ra trước và trong thời kỳ hôn nhân. Vậy nên khi việc ly hôn đang mấp mé bên lề cuộc sống của bạn thì hãy nhanh chóng cứu vãn tình thế. Trường hợp không thể cứu vãn được nữa thì hãy thật bình tĩnh, cân nhắc thật kỹ để đưa ra cách giải quyết tốt nhất. Hãy nhớ rằng cuộc sống có tốt đẹp hay hạnh phúc là do chúng ta tạo nên và tương lai phía trước có tốt đẹp hơn hay không do chính mình bắt lấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Bộ luật Tố tụng dân sự
2. Bộ luật Dân sự 2015
3. Bộ luật Hình sự 2015
4. Luật Hôn nhân và Gia đình 2015
5. Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2007
6. Luật Trẻ em 2016
7. Công văn 24/1999/KHXX: Về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật
8. Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC: Một số vấn đề nghiệp vụ
9. Nghị định số 70/2001/NĐ/CP: Quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình
10. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo trợ Tư pháp; Hành chính Tư pháp; Hôn nhân và gia đình; Thi hành án dân sự; Phá sản doanh nghiệp; Hợp tác xã.
11. Nghị định số 167/2013/NĐ-CP: Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực An ninh, Trật tự, An toàn xã hội; Phòng, Chống tệ nạn xã hội; Phòng cháy và chữa cháy; Phòng, Chống bạo lực gia đình.
12. Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình
13. Nông Thị Trang (2019), “Giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và thực tiễn thi hành tại tỉnh Bắc Kạn”, *Luật văn thực sĩ Luật học*, Đại học Luật Hà Nội, tr. 7.)

Tiếng Anh:

[1] [^ “Changes in Custody”](#). DC.gov - Child Support Services Division. Washington D.C. *Truy cập ngày 3 tháng 10 năm 2017.*

[2] [^ “UNHCR Guidelines on Determining the Best Interests of the Child” \(PDF\)](#). UNHCR. United Nations. tháng 5 năm 2008. *Truy cập ngày 3 tháng 10 năm 2017.*

[3] [^ Detrick, Sharon \(1999\). *A Commentary on the United Nations Convention on the Rights of the Child*. Martinus Nijhoff Publishers. tr. 176. ISBN 978-9041112293.](#) *Truy cập ngày 3 tháng 10 năm 2017*

Danh mục các Website tham khảo:

1. <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/quyen-nuoi-con-khi-ly-hon-va-cac-quy-dinh-cua-phap-luat>
2. <http://baodongnai.com.vn/phapluat/202002/rac-roi-viec-giai-quyet-con-chung-khi-ly-hon-2987084/>
3. <https://luatminhkhue.vn/quyen-nuoi-con-sau-khi-ly-hon-va-thuc-tien-giai-quyet-tranh-chap-ve-quyen-nuoi-con-tai-toa-an--.aspx>
4. <https://luatlongphan.vn/tu-van-giai-quyet-tranh-chap-quyen-nuoi-con-sau-ly-hon>
5. <https://luatminhkhue.vn/ai-co-quyen-nuoi-con-khi-ly-hon--cach-xac-dinh-quyen-nuoi-con-duoc-phap-luat-quy-dinh-nhu-the-nao-.aspx>
6. <http://vkscantho.vn/vkscantho/index.php/news/VKSND-TP-Can-Tho/Ve-quyen-nuoi-con-trong-thuc-tien-vu-an-ly-hon-4120/>
7. <https://tuvanphapluatvietnam.net/mot-so-vuong-mac-trong-qua-trinh-giai-quyet-cac-vu-an-ly-hon/#2> Con trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ nhưng người mẹ là i không đảm bảo điều kiện vật chất để chăm sóc nuôi dưỡng con
8. <https://luatminhkhue.vn/kien-nghi-giai-phap-nham-nang-cao-hieu-qua-thi-hanh-giai-quyet-van-de-con-chung-khi-ly-hon.aspx#van-de-hoan-thien-phap-luat>

9. https://vi.wikipedia.org/wiki/Quy%E1%BB%81n_nu%C3%B4i_con#:~:text=Quy%E1%BB%81n%20nu%C3%B4i%20con%20l%C3%A0%20m%E1%BB%99t,ch%C4%83m%20s%C3%B3c%20c%E1%BB%A7a%20ng%C6%B0%E1%BB%9D%E1%BB%9Di%20%C4%91%C3%B3.
10. <http://giadinh.bvhttdl.gov.vn/gia-dinh-va-vi-tri-vai-tro-cua-gia-dinh-trong-xa-hoi-hien-dai/>
11. <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/xem-xet-nguyen-vong-cua-nguoi-con-khi-cha-me-ly-hon>
12. https://tuvanphapluatvietnam.net/mot-so-vuong-mac-trong-qua-trinh-giai-quyet-cac-vu-an-ly-hon/#2_Con_tren_7_tuoi_co_nguyen_vong_o_voi_me_nhung_nguoi_me_la_i_khong_dam_bao_dieu_kien_vat_chat_de_cham_soc_nuoi_duong_con
13. http://sotuphapquangtri.gov.vn/tin_tuc_-_nghien_cuu_trao_%C4%91oi/nghien_cuu_trao_%C4%91oi/modid/885/ite mid/697#:~:text=Vi%E1%BB%87c%20x%C3%A1c%20%C4%91%E1%B%8Bnh%20cha%20m%E1%BA%B9,do%20ng%C6%B0%E1%BB%9D%E1%BB%9Di%20ch%E1%BA%BFt%20%C4%91%E1%BB%83%20l%E1%BA%A1i.
14. <http://baodongnai.com.vn/phapluat/202002/rac-roi-viec-giai-quyet-con-chung-khi-ly-hon-2987084/>